

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VIETINBANK



ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM (VTBF)

Đây là bản cập nhật và sửa đổi của Điều lệ quỹ VTBF theo Mẫu phụ lục I, Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

Bản điều lệ này đã được Đại hội Nhà đầu tư thông qua ngày 26 tháng 04 năm 2021

Hà Nội, Tháng 04 năm 2021



MỤC LỤC

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ.....	5
II. CÁC ĐỊNH NGHĨA.....	5
CHƯƠNG I: ĐIỀU KHOẢN CHUNG	8
Điều 1: Tên Quỹ và địa chỉ liên hệ	8
Điều 2: Thời hạn hoạt động của Quỹ	9
Điều 3: Nguyên tắc tổ chức của Quỹ.....	9
Điều 4: Tổng vốn huy động và số lượng chứng chỉ quỹ	9
Điều 5: Chỉ định đại diện huy động vốn và chào bán chứng chỉ Quỹ.....	9
Điều 6: Công ty Quản lý Quỹ.....	10
Điều 7: Ngân hàng giám sát và lưu ký:.....	10
CHƯƠNG II:CÁC QUY ĐỊNH VỀ MỤC TIÊU, CHÍNH SÁCH, HẠN CHẾ ĐẦU TƯ	10
Điều 8: Mục tiêu đầu tư.....	10
Điều 9: Chiến lược đầu tư.....	10
Điều 10: Hạn chế đầu tư:	12
Điều 11. Hoạt động vay, cho vay, giao dịch ký quỹ	13
Điều 12. Phương pháp lựa chọn đầu tư	13
CHƯƠNG III: NHÀ ĐẦU TƯ, SỔ ĐĂNG KÝ NHÀ ĐẦU TƯ, GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ..	14
Điều 13: Nhà đầu tư.....	14
Điều 14: Quyền và nghĩa vụ của Nhà đầu tư.....	14
Điều 15: Sổ đăng ký Nhà đầu tư.....	15
Điều 16: Giao dịch Chứng chỉ Quỹ	16
Điều 17. Thực hiện một phần Lệnh được chấp nhận, Mua lại một phần, tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ.....	18
Điều 18. Giá phát hành, Giá mua lại, Giá dịch vụ	19
Điều 19. Thừa kế chứng chỉ quỹ.....	20
Điều 20: Giải pháp cho vấn đề thua lỗ của Quỹ.....	21
Chương IV: ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ	21
Điều 21: Đại hội nhà đầu tư	21
Điều 22: Đại hội nhà đầu tư bất thường	22
Điều 23: Điều kiện, thể thức tiến hành họp, thông qua quyết định Đại hội nhà đầu tư.....	22
Điều 24: Phân đôi quyết định của đại hội Nhà đầu tư.....	225
Chương V: BAN ĐẠI DIỆN QUỸ.....	26
Điều 25: Ban Đại diện Quỹ	26
Điều 26. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban đại diện quỹ	27
Điều 27: Quyền và nghĩa vụ của Ban Đại diện Quỹ	29
Điều 28: Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ.....	30

Điều 29. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Ban đại diện quỹ	30
Điều 30: Thủ tục điều hành của Ban đại diện Quỹ.....	31
Điều 31: Cuộc họp Ban đại diện Quỹ.....	31
Điều 32: Biên bản họp Ban Đại diện Quỹ.....	33
Chương VI: CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ.....	33
Điều 33. Tiêu chuẩn lựa chọn Công ty quản lý quỹ.....	33
Điều 34. Quyền và nghĩa vụ của Công ty quản lý quỹ.....	33
Điều 35. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Công ty quản lý quỹ	35
Điều 36. Hạn chế hoạt động của Công ty quản lý quỹ.....	35
Chương VII: NGÂN HÀNG GIÁM SÁT	36
Điều 37. Tiêu chuẩn lựa chọn ngân hàng giám sát	36
Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của ngân hàng giám sát	36
Điều 39. Hoạt động giám sát của ngân hàng giám sát	38
Điều 40. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của ngân hàng giám sát.....	39
Chương VIII: CÁC TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ LIÊN QUAN	39
Điều 41. Các hoạt động được ủy quyền (các dịch vụ được thuê ngoài)	39
Điều 42. Tiêu chí lựa chọn tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan.....	39
Điều 43. Trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan	40
Điều 44. Trách nhiệm của công ty quản lý quỹ đối với hoạt động đã ủy quyền	41
Điều 45. Chấm dứt hoạt động ủy quyền	42
Chương IX: ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI	42
Điều 46. Tiêu chuẩn lựa chọn Đại lý phân phối Chứng chỉ Quỹ	43
Điều 47. Hoạt động của Đại lý Phân Phối.....	43
Điều 48. Quy định chung về nghiệp vụ phân phối Chứng chỉ Quỹ	44
Chương X: KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO	45
Điều 49. Tiêu chuẩn lựa chọn và thay đổi Công ty kiểm toán	45
Điều 50. Năm tài chính	46
Điều 51. Chế độ kế toán.....	46
Điều 52: Báo cáo tài chính.....	46
Điều 53: Báo cáo khác	46
Chương XI: GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ	46
Điều 54. Xác định giá trị tài sản ròng của quỹ.....	46
Điều 55. Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thay đổi tổ chức cung cấp báo giá	48
Điều 56. Nguyên tắc và Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ.....	48
Điều 57. Quy trình định giá trị tài sản ròng của Quỹ.....	49
Điều 58. Đền bù thiệt hại cho nhà đầu tư Quỹ.....	49
Chương XII: GIÁ DỊCH VỤ PHÁT HÀNH, THU NHẬP VÀ CÁC CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG.....	51

Điều 59. Giá dịch vụ quản lý quỹ, giá dịch vụ lưu ký, giám sát.....	51
Điều 60. Thu nhập của Quỹ	52
Điều 61. Chi phí hoạt động của Quỹ	52
Điều 62. Chi phí khác	53
Chương XIII: TÁI CƠ CẤU QUỸ, GIẢI THỂ QUỸ.....	53
Điều 63. Hợp nhất, sáp nhập quỹ	53
Điều 64. Chia, tách Quỹ	54
Điều 65. Giải thể Quỹ	54
Chương XIV: GIẢI QUYẾT CÁC XUNG ĐỘT VỀ LỢI ÍCH.....	54
Điều 66. Kiểm soát xung đột lợi ích giữa Quỹ và các Quỹ khác, các khách hàng ủy thác đầu tư của Công ty Quản lý Quỹ và giữa Quỹ và Công ty Quản lý Quỹ, giữa Quỹ và Ngân hàng giám sát	54
Chương XV: CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ.....	55
Điều 67. Công bố thông tin, cung cấp thông tin cho Nhà đầu tư.....	55
Điều 68. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ	55
Điều 69. Đăng ký Điều lệ	56
PHỤ LỤC 1. CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ	
PHỤ LỤC 2. CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT	
PHỤ LỤC 3. CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ & NGÂN HÀNG GIÁM SÁT	

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

1. Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội ban hành ngày 26/11/2019, có hiệu lực ngày 01/01/2021;
2. Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
3. Nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán;
4. Thông tư 91/2019/TT-BTC ngày 31/12/2019 của Bộ Tài chính về sửa đổi bổ sung một số Thông tư quy định về chế độ báo cáo và thủ tục hành chính áp dụng với công ty quản lý quỹ, quỹ đầu tư chứng khoán và công ty đầu tư chứng khoán;
5. Thông tư số 99/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc ban hành hướng dẫn thành lập, tổ chức và hoạt động Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán;
6. Thông tư 123/2015/TT-BTC ngày 19/08/2015 của Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam;
7. Thông tư số 197/2015/TT-BTC ngày 03/12/2015 của Bộ Tài chính quy định về hành nghề chứng khoán;
8. Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
9. Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán;
10. Các văn bản pháp lý có liên quan khác.

II. CÁC ĐỊNH NGHĨA

Khi được sử dụng tại Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ có nghĩa như sau:

“Quỹ” hoặc “Quỹ trái phiếu”	là Quỹ Đầu Tư Trái phiếu Ngân hàng Công Thương Việt Nam, gọi tắt là Quỹ VTBF, một quỹ đầu tư trái phiếu dạng quỹ mở, đầu tư vào các loại tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ có thu nhập cố định khác với tỷ trọng đầu tư vào các tài sản này chiếm từ tám mươi phần trăm (80%) giá trị tài sản ròng trở lên, thực hiện chào bán Chứng chỉ Quỹ ra công chúng được thành lập theo Luật chứng khoán và các văn bản hướng dẫn có liên quan.
“Công ty Quản lý quỹ”	là Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, được thành lập theo giấy phép số 50/UBCK-GP ngày 26/10/2010 do UBCKNN cấp thực hiện các ngành nghề kinh doanh như: Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán; Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán. Công ty Quản lý Quỹ VietinBank được ủy thác quản lý quỹ, có quyền và

nghĩa vụ theo quy định tại Điều 31 của Điều lệ Quỹ và quy định pháp luật có liên quan.

"Ngân hàng Giám sát"

là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành, là Ngân hàng được thành lập theo Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp số 0100150619-073 cấp lần đầu ngày 12/9/2003 thay đổi lần thứ 12 ngày 16/06/2020 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp; Giấy phép hoạt động lưu ký chứng khoán số: 510/QĐ-ĐKHĐLK ngày 01/08/2006 do UBCKNN cấp, được Đại hội nhà đầu tư chỉ định theo quy định của Điều lệ này và pháp luật Việt Nam cung cấp các dịch vụ: (i) bảo quản, lưu ký chứng khoán, tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản hợp pháp của quỹ; các hợp đồng kinh tế, các chứng từ có liên quan đến tài sản của Quỹ đồng thời giám sát hoạt động của Quỹ; (ii) thực hiện chức năng giám sát toàn bộ hoạt động quản lý tài sản của quỹ do Công ty quản lý quỹ thực hiện. Quyền và nghĩa vụ của ngân hàng giám sát được quy định tại Điều 7 Điều lệ này..

"Công ty Kiểm toán"

là công ty kiểm toán độc lập của Quỹ, được Đại hội nhà đầu tư chỉ định theo quy định của Điều lệ này và pháp luật Việt Nam để thực hiện kiểm toán hàng năm đối với tài sản của Quỹ.

"Điều lệ Quỹ"

là Bản Điều lệ này, các phụ lục đính kèm, và các sửa đổi bổ sung hợp pháp (nếu có).

"Bản cáo bạch"

là tài liệu hoặc dữ liệu điện tử công khai bao gồm những thông tin chính xác, trung thực, khách quan Nhà đầu tư liên quan đến việc chào bán và phát hành Chứng chỉ quỹ của Quỹ.

"Hợp đồng giám sát"

Là hợp đồng được ký kết giữa Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám Sát được thông qua bởi Đại hội Nhà Đầu Tư của Quỹ

"Nhà Đầu Tư"

Là cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài nắm giữ Chứng chỉ Quỹ.

"Đại hội nhà đầu tư"

là đại hội của các Nhà Đầu Tư có quyền biểu quyết được tổ chức thường kỳ hoặc bất thường để thông qua các vấn đề quan trọng có liên quan đến Quỹ. Đại hội Nhà Đầu Tư là cơ quan quyền lực cao nhất của Quỹ

“Ban Đại diện Quỹ”	là những người đại diện cho Nhà đầu tư Nhà đầu tư, được Đại hội nhà đầu tư bầu ra để thay mặt các Nhà đầu tư nhà đầu tư thực hiện giám sát các hoạt động của Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng giám sát.
“Vốn Điều lệ”	Là tổng số vốn bằng tiền do tất cả Nhà Đầu Tư thực góp tại đợt phát hành Chứng chỉ Quỹ lần đầu ra công chúng và được ghi trong Điều lệ này.
“Chứng chỉ Quỹ”	Là loại chứng khoán xác nhận quyền sở hữu của Nhà đầu tư đối với một phần vốn góp của Quỹ. Mệnh giá một (01) chứng chỉ quỹ là 10.000 (mười nghìn) đồng.
“Giá bán/Giá phát hành”	Là mức giá Nhà Đầu Tư phải thanh toán để mua một Chứng chỉ Quỹ. Giá bán/Giá phát hành bằng mệnh giá (trong đợt chào bán lần đầu ra công chúng); hoặc bằng giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ quỹ tính đến ngày giao dịch chứng chỉ quỹ cộng thêm giá dịch vụ phát hành đã quy định tại Điều lệ Quỹ.
“Giá mua lại”	Là mức giá mà Công ty Quản lý Quỹ phải thanh toán để mua lại từ Nhà Đầu Tư một Đơn vị Quỹ. Giá mua lại bằng giá trị tài sản ròng trên một Đơn vị Quỹ tại ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ trừ đi giá dịch vụ mua lại Chứng chỉ Quỹ đã quy định tại Điều lệ Quỹ
“Giá dịch vụ quản lý quỹ”	là giá dịch vụ phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ cung cấp dịch vụ quản lý quỹ đã được quy định tại Điều 59 Điều lệ Quỹ.
“Giá dịch vụ phát hành/giá dịch vụ mua lại”	Là giá mà Nhà Đầu Tư phải trả khi mua/bán một đơn vị Chứng chỉ Quỹ cho Quỹ. Giá phát hành/giá mua lại tính theo tỷ lệ phần trăm giá trị tài sản ròng trên một đơn vị Chứng chỉ Quỹ quy định tại Điều 18 của Điều lệ này.
“Năm Tài chính”	Kỳ kế toán năm là mười hai tháng, tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm. Năm tài chính đầu tiên của Quỹ sẽ được tính từ ngày Quỹ được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó.
“Giá trị Tài sản ròng của Quỹ”	là tổng giá trị tài sản và các khoản đầu tư do Quỹ sở hữu trừ đi tổng giá trị các nghĩa vụ nợ của Quỹ tại ngày định giá.

“Ngày Định giá”	là ngày mà Công ty quản lý quỹ xác định Giá trị Tài sản ròng của Quỹ.
“Ngày giao dịch chứng chỉ quỹ”	Là ngày mà Công ty Quản lý Quỹ, thay mặt Quỹ, phát hành và mua lại Chứng chỉ Quỹ hoặc lô chứng chỉ quỹ từ nhà đầu tư theo cơ chế giao dịch của quỹ.
“Thời điểm đóng sổ lệnh ”	Là thời điểm cuối cùng mà Đại lý phân phối nhận lệnh giao dịch từ Nhà Đầu Tư để thực hiện trong ngày giao dịch chứng chỉ quỹ
“UBCKNN”	là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam.
“Luật Chứng khoán”	là Luật số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019
“Các định nghĩa khác”	Các định nghĩa khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật Chứng khoán và các văn bản khác có liên quan.

Các thuật ngữ được sử dụng trong Điều lệ này được áp dụng cho cả dạng số ít và số nhiều của thuật ngữ đó. Các thuật ngữ khác nếu không được định nghĩa trong Điều lệ này sẽ được hiểu như quy định tại Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan.

Các dẫn chiếu trong Điều lệ này tới các Phụ lục, Điều và đoạn, trừ khi được quy định khác đi, là các phụ lục, điều và đoạn của Điều lệ này.

Các từ “của Điều lệ này”, “trong Điều lệ này” và “theo Điều lệ này” và các từ tương tự khác khi sử dụng trong Điều lệ này sẽ đề cập tới toàn bộ Điều lệ này và không phải là đề cập tới bất kỳ điều khoản của Điều lệ này.

Dẫn chiếu tới bất kỳ văn kiện hoặc thoả thuận nào có nghĩa là văn kiện hoặc thoả thuận đó được sửa đổi, điều chỉnh và bổ sung tại từng thời điểm theo các điều khoản của văn kiện hoặc thoả thuận đó và có hiệu lực tại bất kỳ thời điểm nào. Dẫn chiếu tới bất kỳ văn bản pháp luật nào sẽ được hiểu là dẫn chiếu văn bản pháp luật như được ban hành lại, đặt tên lại, sửa đổi hoặc gia hạn tại từng thời điểm.

Dẫn chiếu tới bất kỳ tổ chức, cá nhân sẽ được hiểu là dẫn chiếu tới bất kỳ bên kế nhiệm hoặc bên được chuyển nhượng hoặc bên được chuyển giao được phép của tổ chức, cá nhân đó, trừ trường hợp không được phép theo quy định của Điều lệ này.

CHƯƠNG I CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Điều 1: Tên Quỹ và địa chỉ liên hệ

1.1 Tên Quỹ:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt: **QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM**
- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh: **VIETINBANK INVESTMENT BOND FUND**

1.2 Tên viết tắt: **VTBF**

1.3 Địa chỉ liên hệ:

- Tầng 6, Trung tâm thương mại chợ Cửa Nam, 34 phố Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.
- Điện thoại : 024-39388855 Fax : 024-39388500

Điều 2: Thời hạn hoạt động của Quỹ

Quỹ không bị giới hạn về thời hạn hoạt động. Việc thay đổi về thời hạn hoạt động của Quỹ sẽ được thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội Nhà Đầu Tư.

Quỹ chính thức bắt đầu hoạt động sau khi được UBCKNN cấp giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ đến khi Quỹ giải thể theo quy định tại Điều 65 của Điều lệ này hoặc theo quyết định của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Điều 3: Nguyên tắc tổ chức của Quỹ

- 3.1. Quỹ Đầu Tư Trái Phiếu Ngân hàng Công Thương Việt Nam (“ Quỹ VTBF”) là Quỹ đại chúng dạng mở, có nghĩa vụ mua lại Chứng chỉ quỹ đã chào bán ra công chúng theo yêu cầu của Nhà Đầu Tư;
- 3.2. Cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Quỹ là Đại hội Nhà Đầu Tư;
- 3.3. Cơ quan thực hiện chức năng giám sát các hoạt động của Quỹ, Công ty Quản Lý Quỹ và Ngân hàng Giám Sát là Ban Đại Diện Quỹ. Thành viên của Ban Đại Diện Quỹ được bầu ra theo quy định tại Điều 25 của Điều lệ này và thực thi các công việc theo quy định tại Điều lệ này;
- 3.4. Đơn vị thực hiện quản lý và điều hành các hoạt động hàng ngày quỹ là Công ty Quản Lý Quỹ. Đại hội Nhà Đầu Tư chỉ định sẽ quyết định thay đổi Công ty quản lý quỹ sau khi Quỹ được thành lập;
- 3.5. Đơn vị thực hiện việc bảo quản, lưu ký và giám sát tài sản và hoạt động của Quỹ là Ngân hàng Giám Sát do Công ty Quản Lý Quỹ lựa chọn, đề xuất và được Đại hội Nhà Đầu Tư chấp thuận. Ngân hàng Giám Sát đầu tiên sẽ do Công ty Quản Lý Quỹ lựa chọn, và có thể bị thay đổi bởi quyết định của Đại hội Nhà Đầu Tư sau khi Quỹ được thành lập.

Điều 4: Tổng vốn huy động và số lượng chứng chỉ quỹ

- 4.1. Vốn Điều lệ được huy động trong đợt phát hành lần đầu ra công chúng của Quỹ là: 66.000.000.000 đồng (Sáu mươi sáu tỷ đồng Việt Nam). Số vốn này được chia thành 6.600.000 (Sáu triệu sáu trăm) Chứng chỉ Quỹ. Mệnh giá của mỗi Chứng chỉ Quỹ là 10.000 đồng (Mười nghìn đồng Việt Nam).
- 4.2. Nhà Đầu Tư góp vốn bằng tiền Đồng Việt Nam dưới hình thức chuyển khoản hoặc nộp tiền vào tài khoản của Quỹ mở tại Ngân hàng Giám Sát

Điều 5: Chỉ định đại diện huy động vốn và chào bán chứng chỉ Quỹ

Đại diện theo pháp luật của Công ty quản lý Quỹ được chỉ định là đại diện huy động vốn và chào bán Chứng chỉ Quỹ của Quỹ Đầu tư Trái phiếu Ngân hàng Công Thương ra công chúng.

Điều 6: Công ty Quản lý Quỹ

- Công ty Quản lý quỹ:
 - Tên tiếng Việt: Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam
 - Tên tiếng Anh: Vietinbank Fund Management Company Limited
 - Tên viết tắt: VIETINBANK FMC
- Giấy phép thành lập và hoạt động số: 50/UBCK-GP ngày 26/10/2010 của UBCKNN và Giấy phép điều chỉnh mới nhất số 76/GPĐC-UBCK ngày 27/11/2020.
- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 6, Trung tâm thương mại chợ Cửa Nam, 34 phố Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.
- Điện thoại: 024-39388855 Fax: 024-39388500

Điều 7: Ngân hàng giám sát và lưu ký:

- Ngân hàng:
 - Tên tiếng Việt: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành
 - Tên viết tắt: BIDV – CN Hà Thành
- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100150619-073 cấp lần đầu ngày 12/9/2003 thay đổi lần thứ 12 ngày 16/06/2020 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp;
- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký số: 510/QĐ-ĐKHĐLK ngày 01/08/2006 do UBCKNN cấp
- Địa chỉ trụ sở chính: 74 Thợ Nhuộm, Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Điện thoại: 024-39411846 Fax: 024-39411847

CHƯƠNG II

CÁC QUY ĐỊNH VỀ MỤC TIÊU, CHÍNH SÁCH, VÀ HẠN CHẾ ĐẦU TƯ

Điều 8: Mục tiêu đầu tư

Quỹ hướng tới mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận đồng thời bảo toàn vốn cho Nhà đầu tư thông qua việc đầu tư vào các loại tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ có thu nhập cố định khác với tỷ trọng đầu tư vào các tài sản này chiếm từ tám mươi phần trăm (80%) giá trị tài sản ròng trở lên.

Điều 9: Chiến lược đầu tư

9.1 Chiến lược đầu tư:

Quỹ có sự linh hoạt trong phân bổ tài sản theo chiến lược đầu tư nhằm mang lại lợi nhuận dài hạn và ổn định bằng cách đầu tư ưu tiên chủ yếu vào các tài sản có thu nhập cố định có chất lượng tín dụng tốt. Quỹ đầu tư chủ yếu vào Trái phiếu Chính phủ, Trái phiếu chính quyền địa phương, Trái phiếu có bảo lãnh của Chính phủ, Trái phiếu doanh nghiệp được niêm yết hoặc trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu 1 lần trong 12 tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành, chứng chỉ tiền gửi, hợp đồng tiền gửi, chứng khoán phái sinh niêm yết giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà quỹ đang nắm giữ, Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà quỹ đang nắm giữ.

Việc phân bổ tài sản trên tùy thuộc vào các cơ hội đầu tư sẵn có và đánh giá của đội ngũ đầu tư về rủi ro và lợi nhuận mang lại của các cơ hội đầu tư này đối với các loại tài sản.

9.2 Lĩnh vực, ngành nghề đầu tư

Quỹ đầu tư vào các lĩnh vực, ngành nghề mà pháp luật không cấm;

9.3 Các loại tài sản Quỹ được phép đầu tư

- a. Tiền gửi các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng;
- b. Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;
- c. Công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;
- d. Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng;
- đ. Cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu 1 lần trong 12 tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành;
- e. Chứng khoán phái sinh niêm yết giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà quỹ đang nắm giữ;
- f. Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà quỹ đang nắm giữ.

Việc đầu tư vào các tài sản quy định tại điểm đ khoản 3 Điều này phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Có quy định tại Điều lệ quỹ và Bản cáo bạch;
- Đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện;
- Có đủ tài liệu chứng minh về bảo lãnh thanh toán hoặc tài liệu về cam kết mua lại của tổ chức phát hành.

Công ty quản lý quỹ chỉ được gửi tiền và đầu tư công cụ thị trường tiền tệ quy định tại điểm a, b khoản 3 Điều 9 của các tổ chức tín dụng trong danh sách đã được Ban đại diện quỹ phê duyệt

9.4 Cơ cấu danh mục đầu tư :

Việc phân bổ tài sản trên tùy thuộc vào các cơ hội đầu tư sẵn có và đánh giá của đội ngũ đầu tư của Công ty Quản lý Quỹ về rủi ro và lợi nhuận mang lại của các cơ hội đầu tư này đối với các loại tài sản và do Ban Đại Diện Quỹ quyết định trong từng thời kỳ.

Điều 10: Hạn chế đầu tư:

10.1 Hạn chế đầu tư:

Quỹ chỉ được đầu tư vào các mục phù hợp với Điều lệ Quỹ và quy định của pháp luật, và tuân thủ các hạn chế đầu tư như sau:

- a. Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá 10% tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ công cụ nợ của Chính phủ
 - b. Không được đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng khoán đang lưu hành và các tài sản (nếu có) quy định tại điểm a, b khoản 3 Điều 9 của một tổ chức phát hành, trừ công cụ nợ của Chính phủ;
 - c. Không được đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các tài sản quy định tại điểm a, b, d, đ và e khoản 3 Điều 9, phát hành bởi các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ. Trong đó phần đầu tư vào chứng khoán phải sinh tính bằng giá trị cam kết của hợp đồng xác định theo quy định tại Phụ lục XIV ban hành kèm theo Thông tư 98/2020/TT-BTC
 - d. Không được đầu tư quá 10% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các tài sản quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 9;
 - e. Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của quỹ;
 - f. Không được đầu tư vào chứng chỉ quỹ của chính quỹ VTBFI;
 - g. Chỉ được đầu tư vào chứng chỉ quỹ đại chúng khác, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng do công ty quản lý quỹ khác quản lý và bảo đảm các hạn chế sau:
 - Không đầu tư vào quá 10% tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một quỹ đại chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - Không đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng chỉ quỹ của một quỹ đại chúng, cổ phiếu của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - Không đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - h. Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm;
- 10.2. Cơ cấu đầu tư của quỹ mở chỉ được vượt mức so với các hạn chế đầu tư đã quy định tại điểm a, b, c, d và g khoản 1 Điều này và chỉ do các nguyên nhân sau:
- a. Biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của quỹ;
 - b. Thực hiện các khoản thanh toán của quỹ theo quy định của pháp luật, bao gồm việc thực hiện lệnh giao dịch của nhà đầu tư;
 - c. Hoạt động chia, tách, hợp nhất, sáp nhập các tổ chức phát hành;
 - d. Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách quỹ, hợp nhất quỹ, sáp nhập quỹ mà thời gian hoạt động chưa quá 06 tháng kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ điều chỉnh;

- e. Quỹ đang trong thời gian giải thể.
- 10.3. Báo cáo, công bố thông tin và điều chỉnh lại cơ cấu đầu tư của quỹ:
- Trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày có các sai lệch phát sinh do các nguyên nhân quy định tại điểm a, b, c và d khoản 2 Điều này, công ty quản lý quỹ có nghĩa vụ thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và điều chỉnh lại cơ cấu danh mục đầu tư cho phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều này.
 - Trường hợp sai lệch do công ty quản lý quỹ không tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định của pháp luật hoặc Điều lệ quỹ, công ty quản lý quỹ phải điều chỉnh lại danh mục đầu tư trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày phát hiện ra sai lệch. Công ty quản lý quỹ phải bồi thường thiệt hại cho quỹ (nếu có) và chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư. Nếu phát sinh lợi nhuận phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận có được cho quỹ
 - Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư, công ty quản lý quỹ phải công bố thông tin theo quy định, đồng thời thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về các sai lệch cơ cấu danh mục đầu tư, nguyên nhân, thời điểm phát sinh hoặc phát hiện ra sự việc, mức độ thiệt hại và bồi thường thiệt hại cho quỹ (nếu có) hoặc lợi nhuận tạo cho quỹ (nếu có), biện pháp khắc phục, thời gian thực hiện, kết quả khắc phục.

Điều 11. Hoạt động vay, cho vay, giao dịch ký quỹ

- 11.1. Công ty quản lý quỹ không được sử dụng vốn và tài sản của quỹ để cho vay hoặc bảo lãnh cho bất kỳ khoản vay nào.
- 11.2. Công ty quản lý quỹ không được phép vay để đầu tư, trừ trường hợp vay ngắn hạn theo quy định của pháp luật về ngân hàng để trang trải các chi phí cần thiết cho quỹ hoặc thực hiện thanh toán các giao dịch chứng chỉ quỹ với nhà đầu tư. Tổng giá trị các khoản vay ngắn hạn của quỹ không được quá 5% giá trị tài sản ròng của quỹ tại mọi thời điểm và thời hạn vay tối đa 30 ngày.
- 11.3. Công ty quản lý quỹ không được sử dụng tài sản của quỹ để thực hiện các giao dịch ký quỹ (vay mua chứng khoán) cho quỹ hoặc cho bất kỳ cá nhân, tổ chức khác; không được sử dụng tài sản của quỹ thực hiện các giao dịch bán khống, cho vay chứng khoán.
- Quỹ được thực hiện giao dịch mua bán lại công cụ nợ của Chính phủ theo quy định của Bộ Tài chính về quản lý giao dịch công cụ nợ của Chính phủ.

Điều 12. Phương pháp lựa chọn đầu tư

Quỹ áp dụng phương thức đầu tư đi từ trên xuống “Top-Down Approach”, trong đó việc đầu tư và phân bổ trái phiếu doanh nghiệp, cổ phiếu sẽ dựa trên những đánh giá tổng thể về xu thế của kinh tế vĩ mô, chính sách của nhà nước, ngành hưởng lợi cũng như tiềm năng sinh lời và an toàn của tổ chức phát hành. Quỹ cũng sử dụng phương pháp tiếp cận đầu tư đi từ dưới lên “Bottom Up Approach” trong việc lựa chọn từng tổ chức nhận tiền gửi, công cụ nợ, trái phiếu doanh nghiệp, cổ phiếu cụ thể thông qua việc đánh giá tổ chức nhận tiền gửi, đơn vị phát hành và các diễn biến riêng lẻ của các tài sản này trước tác động của khuynh hướng thị trường.

CHƯƠNG III

NHÀ ĐẦU TƯ, SỔ ĐĂNG KÝ NHÀ ĐẦU TƯ VÀ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ

Điều 13: Nhà đầu tư

- 13.1 Nhà Đầu Tư của Quỹ có thể là tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước. Nhà Đầu Tư không chịu trách nhiệm pháp lý hoặc nghĩa vụ khác với Quỹ ngoài trách nhiệm trong phạm vi số Chứng chỉ Quỹ mà họ sở hữu.
- 13.2 Nhà Đầu Tư tổ chức bao gồm các tổ chức kinh tế, xã hội được pháp luật Việt Nam công nhận. Nhà Đầu Tư tổ chức cử người đại diện hợp pháp đại diện cho số Chứng chỉ Quỹ mà mình sở hữu. Việc đề cử, hủy bỏ hay thay thế người đại diện này phải được thông báo bằng văn bản, do người đại diện theo pháp luật của Nhà Đầu Tư tổ chức ký và thông báo đến cho Đại lý phân phối nơi Nhà Đầu Tư mở tài khoản giao dịch.
- 13.3 Công ty Quản lý Quỹ, người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ được tham gia góp vốn thành lập, giao dịch chứng chỉ quỹ mở mà công ty đang quản lý với các mức giá giao dịch áp dụng như đối với các nhà đầu tư khác theo quy định tại Điều 18 của Điều lệ này.

Điều 14: Quyền và nghĩa vụ của Nhà đầu tư

- 14.1 Nhà đầu tư có các quyền và nghĩa sau đây:
- a. Hưởng lợi từ hoạt động đầu tư của Quỹ tương ứng với số lượng Đơn vị Quỹ nắm giữ;
 - b. Hưởng các lợi ích và tài sản được chia hợp pháp từ việc thanh lý tài sản của Quỹ;
 - c. Yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ thay mặt Quỹ mua lại Chứng chỉ Quỹ hoặc chuyển đổi Chứng chỉ Quỹ;
 - d. Khởi kiện công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, ngân hàng giám sát hoặc tổ chức liên quan nếu tổ chức này vi phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình;
 - e. Thực hiện quyền của mình thông qua Đại hội nhà đầu tư;
 - f. Quyền được đối xử công bằng. Mỗi chứng chỉ quỹ đều tạo cho người sở hữu quyền, nghĩa vụ, lợi ích ngang nhau;
 - g. Quyền tự do chuyển nhượng chứng chỉ quỹ; trừ trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật và tại Điều lệ quỹ;
 - h. Quyền được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường về hoạt động của Quỹ;
 - i. Quyền và trách nhiệm tham gia các cuộc họp Đại hội nhà đầu tư và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa (gửi thư, fax, thư điện tử, tham dự hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác);
 - j. Nghĩa vụ chấp hành quyết định của Đại hội nhà đầu tư; thanh toán đầy đủ tiền mua Chứng chỉ quỹ trong thời hạn quy định tại Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch và chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Quỹ trong phạm vi số tiền đã thanh toán khi mua Chứng chỉ Quỹ;
 - k. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật về chứng khoán và tại Điều lệ này.

- 14.2 Nhà đầu tư, hoặc nhóm Nhà đầu tư sở hữu trên 5% vốn điều lệ Quỹ có các quyền sau:
- Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Ban đại diện Quỹ, báo cáo tài chính năm và các báo cáo của Ngân hàng giám sát liên quan đến hoạt động của Quỹ;
 - Yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư bất thường trong các trường hợp sau:
 - Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng giám sát vi phạm quyền của Nhà đầu tư, hoặc nghĩa vụ của Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng giám sát hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền quy định tại Điều lệ Quỹ, hợp đồng lưu ký hoặc được giao bởi Đại hội nhà đầu tư, gây tổn thất cho Quỹ;
 - Ban đại diện Quỹ đã hết nhiệm kỳ trên sáu (06) tháng mà chưa được bầu thay thế;
 - Yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng giám sát giải trình các vấn đề bất thường liên quan đến tài sản và hoạt động quản lý, giao dịch tài sản của Quỹ. Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng giám sát phải có công văn trả lời Nhà đầu tư trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu bằng văn bản;
 - Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội nhà đầu tư. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty Quản lý Quỹ chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc;
- 14.3 Nhà đầu tư hoặc nhóm nhà đầu tư sở hữu từ 10% trở lên tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành có các quyền đề cử người vào Ban đại diện quỹ. Trình tự, thủ tục đề cử áp dụng tương tự theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp áp dụng đối với việc đề cử người vào Hội đồng quản trị của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% trở lên tổng số cổ phần phổ thông.
- 14.4 Yêu cầu, kiến nghị của Nhà đầu tư hoặc nhóm Nhà đầu tư theo quy định tại khoản 14.2 và 14.3 Điều 14, Điều lệ này phải được lập bằng văn bản và phải có họ tên, địa chỉ liên lạc, số Giấy chứng minh nhân dân hoặc Căn cước công dân, hoặc Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác; tên, địa chỉ trụ sở chính, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với Nhà đầu tư là tổ chức; số lượng chứng chỉ quỹ nắm giữ và thời điểm nắm giữ của từng Nhà đầu tư, tổng số chứng chỉ quỹ của cả nhóm Nhà đầu tư và tỷ lệ sở hữu trong tổng số chứng chỉ Quỹ đang lưu hành của Quỹ; nội dung yêu cầu, kiến nghị; căn cứ và lý do. Trường hợp triệu tập Đại hội nhà đầu tư bất thường theo quy định tại điểm b khoản 14.2 Điều 14, Điều lệ này phải kèm theo các tài liệu xác minh lý do việc triệu tập Đại hội nhà đầu tư bất thường; hoặc các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng giám sát, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền theo quy định tại điều lệ Quỹ, hợp đồng giám sát.

Điều 15: Sổ đăng ký Nhà đầu tư

- 15.1 Công ty Quản lý Quỹ sẽ lập hoặc ủy quyền cho nhà cung cấp dịch vụ có liên quan lập Sổ Chính hoặc Đại lý phân phối lập, quản lý Sổ Phụ và xác nhận quyền sở hữu Chứng chỉ Quỹ cho Nhà Đầu Tư.

15.2. Sổ Chính, Sổ Phụ phải có các thông tin sau:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty Quản lý Quỹ; tên, địa chỉ trụ sở chính của Ngân hàng Giám Sát và Ngân hàng lưu ký (nếu có); tên đầy đủ của Quỹ;
- b. Thông tin đối với Nhà Đầu Tư, bao gồm:
 - Đối với Nhà Đầu Tư là cá nhân: Họ và tên của Nhà Đầu Tư; số chứng minh nhân dân hoặc số hộ chiếu còn hiệu lực; Địa chỉ liên lạc, số điện thoại liên lạc, địa chỉ email (nếu có);
 - Đối với Nhà Đầu Tư là tổ chức: tên đầy đủ, tên viết tắt, tên giao dịch, địa chỉ trụ sở chính, số giấy phép thành lập và hoạt động/giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; họ và tên, số Chứng minh nhân dân hoặc số hộ chiếu còn hiệu lực, số điện thoại liên lạc, địa chỉ email của cá nhân được tổ chức ủy quyền giao dịch Chứng chỉ Quỹ của tổ chức đó;
- c. Số Tài khoản của Nhà Đầu Tư; hoặc Số tiểu khoản; Mã số đăng ký giao dịch chứng khoán trong trường hợp Nhà Đầu Tư là Nhà Đầu Tư nước ngoài;
- d. Số lượng Đơn vị Quỹ mà Nhà Đầu Tư sở hữu; ngày đăng ký sở hữu vào Sổ chính.

15.3. Công ty Quản lý Quỹ và tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan phải luôn có đầy đủ thông tin về sở hữu của từng Nhà Đầu Tư. Thông tin về tài sản của Nhà Đầu Tư trên Sổ Chính là bằng chứng xác nhận quyền sở hữu Chứng chỉ Quỹ của Nhà Đầu Tư. Quyền sở hữu của Nhà Đầu Tư được xác lập kể từ thời điểm thông tin về sở hữu của Nhà Đầu Tư được cập nhật tại Sổ Chính.

Điều 16: Giao dịch Chứng chỉ Quỹ

16.1 Trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ có hiệu lực, Công ty Quản lý Quỹ tổ chức giao dịch Chứng chỉ Quỹ cho Nhà Đầu Tư định kỳ và được quy định cụ thể tại Bản Cáo Bạch nhưng không ít hơn hai lần mỗi tháng;

16.2 Tần suất giao dịch của Quỹ:

Nhà Đầu Tư có thể mua, bán, chuyển đổi Chứng chỉ Quỹ hoặc chuyển nhượng Chứng chỉ Quỹ một trong các Ngày Giao Dịch.

Ngày Giao Dịch được xác định như sau:

Ngày thứ Tư hàng tuần (tần suất giao dịch 1 lần/1 tuần).

Ngày Giao Dịch sẽ không bao gồm các ngày nghỉ lễ, kể cả ngày nghỉ bù theo quy định của Pháp luật..

Việc tăng tần suất giao dịch sẽ được Công ty Quản lý Quỹ thông báo công khai tại Bản Cáo Bạch, công bố thông tin theo quy định của Pháp luật.

Việc giảm tần suất giao dịch sẽ được Đại hội Nhà Đầu Tư thông qua và luôn đảm bảo tần suất giao dịch không được ít hơn hai (02) lần một tháng theo quy định của Pháp luật.

16.3 Lệnh mua chứng chỉ quỹ:

- a. Nhà Đầu tư phải có tài khoản giao dịch Chứng chỉ quỹ trước khi đặt lệnh mua. Việc đăng ký mở tài khoản được thực hiện tại Đại lý phân phối.
- b. Nhà Đầu Tư điền đầy đủ thông tin vào phiếu đăng ký mua, đồng thời xuất trình chứng từ hợp lệ xác nhận Nhà Đầu Tư đã chuyển tiền vào Tài khoản của Quỹ, đại lý phân phối tại Ngân hàng Giám Sát trước thời điểm đóng sổ lệnh;

- c. Lệnh mua sẽ được chấp nhận để thực hiện khi Quỹ đã nhận được khoản thanh toán đầy đủ bởi Nhà Đầu tư.
- d. Các Lệnh mua của Nhà Đầu Tư phải bảo đảm:
- Đến trước thời điểm đóng sổ lệnh cho Ngày giao dịch là 14h45 ngày T-1, tài khoản của Quỹ đã nhận được đủ số tiền thanh toán mua Chứng Chỉ Quỹ ghi trên Phiếu Lệnh mua;
 - Số tiền trên tài liệu hợp lệ xác nhận việc Nhà Đầu tư đã hoàn tất việc thanh toán vào tài khoản của Quỹ (giấy chuyển tiền) phải bằng hoặc nhiều hơn giá trị giao dịch đăng ký trên phiếu đặt lệnh mua, phí chuyển khoản do Nhà Đầu tư chịu. Số tiền chênh lệch thanh toán mua Chứng Chỉ Quỹ nhiều hơn so với số tiền đăng ký giao dịch trên Phiếu đăng ký sẽ được tính vào kỳ giao dịch tiếp theo hoặc hoàn trả lại vào tài khoản thụ hưởng của Nhà Đầu Tư đăng ký trên phiếu đăng ký mở tài khoản giao dịch Chứng Chỉ Quỹ theo yêu cầu của Nhà đầu tư, phí chuyển tiền do Nhà Đầu Tư chịu;
 - Tiền mua và lệnh mua Chứng chỉ quỹ được chuyển trực tiếp bởi Nhà Đầu Tư hoặc Bên thứ ba do Nhà Đầu tư ủy quyền hợp lệ;
 - Trường hợp Lệnh mua của Nhà Đầu tư không đáp ứng các điều kiện nêu trên, tiền thanh toán mua Chứng chỉ Quỹ này sẽ được chuyển trả ngược lại tài khoản chuyển đến, phí chuyển tiền sẽ được trừ vào khoản tiền hoàn trả này, thời hạn chuyển trả sẽ được quy định tại Bản cáo bạch.
 - Giá trị của lệnh mua tối thiểu: 3 triệu đồng.
- e. Số lượng Chứng chỉ Quỹ được phân phối làm tròn tới số hạng thứ hai sau dấu phẩy;
- f. Đại lý Phân Phối xác nhận giao dịch với Nhà Đầu Tư trong vòng 03 (ba) ngày kể từ ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ. Xác nhận giao dịch mua cũng đồng thời xác nhận quyền sở hữu đối với số lượng Chứng chỉ Quỹ Nhà Đầu Tư mua được;
- g. Phương thức thanh toán
- Nhà Đầu Tư thực hiện thanh toán bằng hình thức chuyển khoản từ tài khoản của mình hoặc nộp tiền trực tiếp vào tài khoản của Quỹ (mở tại Ngân hàng Giám Sát).
 - Trường hợp Lệnh Mua Chứng chỉ Quỹ và việc thanh toán cho Lệnh Mua được thực hiện bởi cá nhân, tổ chức khác không phải Nhà Đầu Tư thì phiếu lệnh và tài liệu xác nhận thanh toán phải nêu rõ tên, số tài khoản và giá trị thanh toán của Nhà Đầu Tư được hưởng lợi.
 - Nhà Đầu Tư có thể tham gia mua Chứng chỉ Quỹ theo chương trình đầu tư định kỳ (sau đây gọi là “ĐTĐK”) tại Bản Cáo Bạch. Theo đó, Nhà đầu tư lựa chọn chương trình ĐTĐK có thể đầu tư một khoản tiền cố định hàng tháng hoặc hàng quý để mua các Chứng chỉ Quỹ.
 - Mọi khoản đầu tư vào Chứng chỉ Quỹ đều thực hiện bằng tiền Đồng Việt Nam.

16.4 Lệnh bán Chứng chỉ Quỹ:

- a. Nhà Đầu tư thực hiện Lệnh bán Chứng Chỉ Quỹ phải điền và nộp Phiếu đăng ký bán tại địa điểm phân phối Chứng chỉ Quỹ của Đại lý phân phối trước thời điểm đóng sổ lệnh;
- b. Nhà Đầu tư có thể đặt lệnh bán toàn bộ số Chứng chỉ Quỹ đang nắm giữ hoặc một phần.

- c. Đại Lý Phân Phối chuyển xác nhận giao dịch cho Nhà Đầu Tư trong vòng 03 (ba) Ngày kể từ ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ;
 - d. Nhà Đầu tư sẽ nhận được số tiền bằng giá trị thanh toán mua lại sau khi khấu trừ các khoản thuế theo Luật hiện hành và phí chuyển tiền trong thời hạn không quá 05 ngày kể từ Ngày Giao dịch Chứng chỉ Quỹ.
 - e. Lệnh Bán của Nhà Đầu tư phải đáp ứng quy định tại Điều 17 của Điều lệ này;
- 16.5 Lệnh chuyển đổi nhằm bán Chứng chỉ Quỹ của Quỹ này (Quỹ VTBF) để mua Chứng chỉ Quỹ của Quỹ khác cùng do Công ty Quản lý Quỹ quản lý được chấp nhận để thực hiện khi số lượng Chứng chỉ Quỹ đăng ký bán thỏa mãn điều kiện của một Lệnh bán hợp lệ như quy định tại khoản 16.4 Điều lệ này.
- 16.6 Lệnh phù hợp với quy định tại điều lệ Quỹ này và Bản cáo bạch được Đại lý phân phối nhận cho đến Thời điểm đóng sổ lệnh cho Ngày Giao Dịch sẽ được thực hiện vào ngày giao dịch đó. Tất cả các Lệnh được chấp nhận nhận sau Thời điểm đóng sổ lệnh sẽ được thực hiện vào Ngày Giao Dịch tiếp theo.
- Thời điểm đóng sổ lệnh là thời điểm cuối cùng mà Đại lý phân phối nhận lệnh giao dịch từ Nhà Đầu Tư để thực hiện trong Ngày giao dịch của Chứng chỉ Quỹ. Thời điểm Đóng Sổ lệnh được công bố công khai tại Bản Cáo Bạch. Thời điểm đóng Sổ lệnh cho Ngày giao dịch là 14h45 ngày T-1.
- 16.7 Tiền mua Chứng chỉ Quỹ sau khi chuyển vào tài khoản tiền của Quỹ đặt tại Ngân hàng Giám Sát. Ngân hàng Giám Sát có trách nhiệm thanh toán tiền lãi cho Quỹ, tối thiểu bằng lãi suất tiền gửi không kỳ hạn đang áp dụng kể từ ngày Quỹ nhận được tiền mua Chứng chỉ Quỹ từ Nhà Đầu Tư.

Điều 17. Thực hiện một phần Lệnh được chấp nhận, Mua lại một phần, tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ

- 17.1 Công ty Quản lý Quỹ có quyền chỉ đáp ứng một phần Lệnh Được Chấp Nhận trong các trường hợp sau:
- a. Tổng giá trị các Lệnh bán (bao gồm Lệnh bán từ hoạt động chuyển đổi) trừ tổng giá trị các Lệnh mua (kể cả lệnh mua từ hoạt động chuyển đổi) tại ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ lớn hơn mười phần trăm (10%) giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ; hoặc
 - b. Việc thực hiện toàn bộ lệnh giao dịch của Nhà Đầu Tư dẫn tới: Giá trị tài sản ròng của Quỹ xuống dưới năm mươi (50) tỷ đồng;
 - c. Việc bán chứng khoán lấy tiền mặt để đáp ứng toàn bộ lệnh của Nhà Đầu Tư không thể thực hiện được do:
 - Tính thanh khoản của thị trường thấp;
 - Một (hoặc nhiều) chứng khoán trong danh mục đầu tư của Quỹ bị đình chỉ giao dịch do quyết định của Sở Giao Dịch Chứng Khoán.
- 17.2 Đối với việc mua lại phần còn lại của Lệnh bán, Lệnh chuyển đổi Quỹ đối với các lệnh đã đáp ứng một phần theo quy định tại khoản 17.1 Điều lệ này, Công ty Quản lý Quỹ được áp dụng nguyên tắc cùng một tỷ lệ: Phần lệnh chưa thực hiện được ghép cùng với các lệnh tới sau để thực hiện, bảo đảm tỷ lệ giữa giá trị thực hiện và giá trị đăng ký giao dịch là như nhau.

- 17.3 Trong trường hợp Lệnh Bán chỉ được thực hiện một phần, số lượng Chứng chỉ Quỹ tương ứng với Đơn vị Quỹ còn lại sẽ được ưu tiên tự động bán hết vào kỳ giao dịch tiếp theo.
- 17.4 Đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 17.1 Điều lệ này, Công ty Quản lý Quỹ được kéo dài thời hạn thanh toán, nhưng không vượt quá ba mươi (30) ngày, kể từ Ngày Giao Dịch Chứng chỉ Quỹ.
- 17.5 Chứng chỉ Quỹ có thể bị tạm dừng giao dịch khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:
- a. Công ty Quản lý Quỹ không thể thực hiện việc mua lại Chứng chỉ Quỹ theo yêu cầu do nguyên nhân bất khả kháng;
 - b. Công ty Quản lý Quỹ không thể xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ mở vào ngày định giá mua lại Chứng chỉ Quỹ do Sở Giao dịch Chứng khoán quyết định đình chỉ hoặc tạm dừng giao dịch chứng khoán trong danh mục đầu tư của Quỹ;
 - c. Các sự kiện khác theo Quyết định của Đại hội Nhà đầu tư hoặc Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xét thấy là cần thiết.
 - d. Kể từ khi xảy ra các sự kiện nêu trên dẫn đến việc tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ phải báo với Ban Đại Diện quỹ và UBCKNN trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, đồng thời công bố các nguyên nhân của việc tạm dừng trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ trong thời gian sớm nhất và phải tiếp tục thực hiện việc mua lại chứng chỉ quỹ ngay khi các sự kiện quy định tại Điều 17.5 chấm dứt.
- 17.6 Thời hạn tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ không được kéo dài quá chín mươi (90) ngày, kể từ ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ gần nhất.
- 17.7 Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ theo quy định tại khoản 17.6 điều này, Công ty Quản lý Quỹ phải tổ chức họp để lấy ý kiến Đại hội Nhà Đầu Tư về việc giải thể Quỹ, hoặc tách Quỹ, hoặc tiếp tục kéo dài thời hạn tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ.
- 17.8 Trong thời hạn triệu tập Đại hội Nhà Đầu Tư, nếu các nguyên nhân dẫn tới việc tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ chấm dứt, Công ty Quản lý Quỹ được hủy bỏ việc triệu tập Đại hội Nhà Đầu Tư.
- 17.9 Ngay sau khi các sự kiện tạm dừng mua chứng chỉ quỹ chấm dứt, Công ty Quản lý quỹ sẽ tiếp tục thực hiện việc mua lại theo quy trình.

Điều 18. Giá phát hành, Giá mua lại, Giá dịch vụ

- 18.1 Giá phát hành lần đầu:
- Giá phát hành lần đầu của một Đơn vị Quỹ mở là 10.000 (mười nghìn) đồng.
- Giá phát hành các lần tiếp theo bằng Giá trị tài sản ròng của Quỹ trên một Đơn vị Quỹ tại Ngày giao dịch Chứng chỉ quỹ cộng giá dịch vụ phát hành.
- 18.2 Giá bán một Đơn vị Quỹ được xác định bằng giá trị tài sản ròng của Quỹ trên một Đơn vị Quỹ tính tại Ngày Giao dịch Chứng chỉ Quỹ, cộng với giá dịch vụ phát hành (nếu có).
- 18.3 Giá mua lại một Đơn vị Quỹ được xác định bằng giá trị tài sản ròng trên một Đơn vị Quỹ tính tại ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ, trừ đi giá dịch vụ mua lại (nếu có).
- 18.4 Giá liên quan đến giao dịch Đơn vị Quỹ sẽ do Nhà Đầu Tư thanh toán:
- Giá dịch vụ phát hành:
- Giá phát hành áp dụng cho Lệnh mua do Công ty Quản lý Quỹ quy định tại Bản Cáo Bạch, Bản Cáo Bạch tóm tắt, trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý quỹ, đại lý phân

phối và công bố công khai vào từng thời điểm nhưng mức giá dịch vụ phát hành tối đa là 5% (năm phần trăm) giá trị giao dịch thực hiện được. Trong mọi trường hợp giá dịch vụ phát hành không được vượt quá mức tối đa do pháp luật quy định.

Các khoản tái đầu tư bằng nguồn cổ tức của Quỹ không phải chịu giá dịch vụ phát hành. Giá dịch vụ phát hành sẽ được hạch toán cho Công ty Quản lý Quỹ và Đại lý phân phối căn cứ theo Hợp đồng ký giữa Công ty Quản lý Quỹ và Đại lý phân phối.

18.5 Giá dịch vụ mua lại:

Giá dịch vụ mua lại đối với các Chứng chỉ Quỹ sẽ do Công ty Quản lý Quỹ quy định tại Bản Cáo Bạch, Bản Cáo Bạch tóm tắt, trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý quỹ, đại lý phân phối và công bố công khai vào từng thời điểm nhưng mức Giá dịch vụ mua lại quy định tối đa là 3% (ba phần trăm) giá trị giao dịch thực hiện được. Trong mọi trường hợp Giá dịch vụ mua lại không được vượt quá mức tối đa do pháp luật quy định.

Trường hợp Nhà Đầu Tư mua Chứng chỉ Quỹ nhiều lần, mua theo chương trình ĐTĐK hoặc dưới hình thức tái đầu tư bằng nguồn cổ tức của Quỹ không phải chịu giá phát hành, thời gian nắm giữ sẽ được tính theo nguyên tắc các Chứng chỉ Quỹ mua trước sẽ được bán trước, các Chứng chỉ Quỹ mua theo lệnh thường sẽ được ưu tiên bán trước các Chứng chỉ Quỹ mua theo chương trình ĐTĐK (khi vẫn trong thời hạn của chương trình).

Giá dịch vụ Mua lại sẽ được trừ vào khoản tiền bán được trả lại cho các Nhà Đầu Tư sau khi thực hiện các lệnh bán và được hạch toán cho Công ty Quản lý Quỹ và Đại lý phân phối căn cứ theo Hợp đồng ký giữa Công ty Quản lý Quỹ và Đại lý phân phối.

18.6 Giá dịch vụ chuyển đổi Quỹ:

Giá dịch vụ chuyển đổi là giá dịch vụ mà Nhà Đầu Tư phải trả khi thực hiện chuyển đổi Chứng chỉ Quỹ giữa các Quỹ mở do Công ty Quản lý Quỹ quản lý. Việc chuyển đổi Quỹ bằng việc bán một Chứng chỉ Quỹ và mua một Chứng chỉ Quỹ khác trong cùng Ngày giao dịch được coi như thực hiện một Lệnh bán.

Giá dịch vụ chuyển đổi đối với các Chứng chỉ Quỹ sẽ do Công ty Quản lý Quỹ quy định tại Bản Cáo Bạch và công bố công khai vào từng thời điểm nhưng đảm bảo không vượt quá 3% (ba phần trăm) giá trị giao dịch thực hiện được. Trong mọi trường hợp giá dịch vụ chuyển đổi không được vượt quá mức tối đa do pháp luật quy định. Thời điểm áp dụng mức giá mới tăng sớm nhất là 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày Công ty Quản lý Quỹ công bố về mức giá mới trên trang thông tin điện tử của Công ty.

Khi thực hiện chuyển đổi, Nhà Đầu Tư chỉ thanh toán giá dịch vụ chuyển đổi trên giá trị đăng ký chuyển đổi, mà không phải thanh toán giá dịch vụ mua lại đối với Quỹ hiện tại và giá dịch vụ phát hành đối với Quỹ mục tiêu.

Giá dịch vụ chuyển đổi Quỹ sẽ được hạch toán cho Công ty Quản lý Quỹ và Đại lý phân phối căn cứ theo Hợp đồng ký giữa Công ty Quản lý Quỹ và Đại lý phân phối.

18.7 Giá dịch vụ chuyển nhượng (áp dụng trong các trường hợp: cho, biếu, tặng, hoặc thừa kế) đối với các Chứng chỉ Quỹ sẽ do Công ty Quản lý Quỹ quy định tại Bản Cáo Bạch và công bố công khai vào từng thời điểm.

Giá dịch vụ chuyển nhượng Quỹ sẽ được hạch toán cho Công ty Quản lý Quỹ và Đại lý phân phối căn cứ theo Hợp đồng ký giữa Công ty Quản lý Quỹ và Đại lý phân phối.

Điều 19. Thừa kế chứng chỉ quỹ

- 19.1 Việc thừa kế chứng chỉ quỹ phải phù hợp với quy định của pháp luật về thừa kế. Quỹ chỉ chấp nhận người thừa kế hợp pháp và không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tranh chấp nào liên quan đến việc thừa kế hoặc người thừa kế.
- 19.2 Công ty quản lý quỹ sẽ đăng ký người thừa kế hợp pháp trong Sổ đăng ký Nhà đầu tư sau khi người thừa kế đó đã cung cấp đầy đủ bằng chứng hợp pháp về việc thừa kế

Điều 20: Giải pháp cho vấn đề thua lỗ của Quỹ

Trong trường hợp Quỹ bị tổn thất hoặc thua lỗ và có thể dẫn đến giải thể quỹ, Ban đại diện Quỹ phải xem xét nguyên nhân thua lỗ thuộc trách nhiệm của cá nhân hay tập thể. Nếu Quỹ bị tổn thất hoặc thua lỗ hoặc buộc phải giải thể do yếu tố khách quan, bất khả kháng thì Nhà đầu tư phải gánh chịu thua lỗ tương ứng với số lượng Chứng chỉ quỹ của mình. Ban đại diện Quỹ sẽ xem xét và có thể đề xuất lên Đại hội nhà đầu tư việc Giải thể quỹ.

Chương IV ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ

Điều 21: Đại hội nhà đầu tư

- 21.1 Đại hội nhà đầu tư là cơ quan quyết định cao nhất của Quỹ và tất cả các Nhà đầu tư có tên trong sổ đăng ký Nhà đầu tư trước khi triệu tập cuộc họp đều có quyền tham dự.
- 21.2 Đại hội nhà đầu tư do Công ty Quản lý quỹ triệu tập và quyết định những nội dung sau:
- a. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ quỹ;
 - b. Thay đổi cơ bản trong chính sách, mục tiêu đầu tư của quỹ; tăng mức giá dịch vụ trả cho công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát; thay đổi công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát;
 - c. Chia, tách, sáp nhập, hợp nhất quỹ; giải thể quỹ.
 - d. Phương án phân phối lợi tức;
 - e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm chủ tịch và thành viên Ban đại diện quỹ; quyết định mức thù lao và chi phí hoạt động của Ban đại diện quỹ; thông qua việc lựa chọn tổ chức kiểm toán được chấp thuận để kiểm toán báo cáo tài chính hằng năm của quỹ; thông qua các báo cáo tài chính, báo cáo về tài sản và hoạt động hằng năm của quỹ;
 - f. Xem xét và xử lý vi phạm của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát và Ban đại diện quỹ gây tổn thất cho quỹ;
 - g. Yêu cầu công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát xuất trình sổ sách hoặc giấy tờ giao dịch tại Đại hội nhà đầu tư;
 - h. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật và tại Điều lệ này.
- 21.3. Chương trình và nội dung họp Đại hội nhà đầu tư được công ty quản lý quỹ xây dựng tương ứng với chương trình họp, nội dung họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định pháp luật về doanh nghiệp. Tối thiểu 07 ngày làm việc trước khi diễn ra cuộc họp Đại hội nhà đầu tư,

công ty quản lý quỹ phải gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước toàn bộ chương trình, nội dung hợp và các tài liệu có liên quan, đồng thời công bố thông tin về việc triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư, trong đó nêu rõ lý do và mục tiêu của cuộc họp.

- 21.4 Đại hội nhà đầu tư thường niên được triệu tập họp mỗi năm một (01) lần. Đại hội nhà đầu tư thường niên được tổ chức trong thời hạn 04 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Đại hội nhà đầu tư thường niên có thể được gia hạn nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính và phải thông báo Ủy ban Chứng khoán nhà nước. Việc họp Đại hội nhà đầu tư thường niên có thể được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 22: Đại hội nhà đầu tư bất thường

- 22.1 Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư bất thường trong những trường hợp sau đây:
- Theo yêu cầu của Công ty Quản lý quỹ hoặc Ban Đại diện Quỹ hoặc Ngân hàng giám sát khi xét thấy là cần thiết vì quyền lợi của Quỹ;
 - Theo yêu cầu của nhà đầu tư hoặc nhóm nhà đầu tư quy định tại điểm b khoản 2 Điều 14 Điều lệ này;
 - Số thành viên Ban đại diện bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ quỹ.
 - Số lượng thành viên độc lập giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định;
 - Nếu cuộc họp Ban Đại diện Quỹ không được tiến hành hợp lệ theo quy định tại Điều 31 Điều lệ quỹ, các thành viên còn lại của Ban Đại diện Quỹ có quyền triệu tập Đại hội nhà đầu tư bất thường để giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban Đại diện Quỹ.
- 22.2 Công ty Quản lý quỹ phải triệu tập Đại hội nhà đầu tư bất thường trong thời hạn tối đa là ba mươi (30) ngày kể từ ngày Công ty Quản lý quỹ nhận được yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội nhà đầu tư. Trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 21 Điều lệ này.
- 22.3 Trong trường hợp Công ty Quản lý quỹ không triệu tập Đại hội nhà đầu tư như quy định tại Khoản 2 Điều này thì Công ty Quản lý quỹ phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Quỹ (nếu có).
- 22.4. Trong trường hợp Công ty Quản lý Quỹ không triệu tập cuộc họp theo quy định tại khoản 2 Điều này trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban Đại diện Quỹ hoặc Ngân hàng giám sát thay thế Công ty Quản lý quỹ triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều lệ này.

Điều 23: Điều kiện, thủ thức tiến hành họp, thông qua quyết định Đại hội nhà đầu tư

- 23.1 Điều kiện tổ chức Đại hội nhà đầu tư
- Đại hội nhà đầu tư do Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ chủ trì. Nếu Chủ tịch Đại diện Quỹ vắng mặt thì bất kỳ người nào khác được Đại hội nhà đầu tư bầu ra sẽ là người chủ trì cuộc họp Đại hội nhà đầu tư.
 - Cuộc họp Đại hội nhà đầu tư được tiến hành khi có số Nhà đầu tư (hoặc người được ủy quyền dự họp) đại diện cho trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số Chứng chỉ Quỹ đang lưu hành có quyền biểu quyết. Hình thức tham gia có thể là trực tiếp hoặc ủy quyền tham gia hoặc hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa (gửi thư, fax, thư điện tử, tham dự hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác) theo quy định tại Điều lệ này.

- c. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Trong trường hợp này, cuộc họp của Đại hội nhà đầu tư được tiến hành không phụ thuộc vào số Nhà đầu tư dự họp.
- d. Đại hội nhà đầu tư thông qua Nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

23.2 Thể thức tiến hành Đại hội nhà đầu tư

a. Đại hội nhà đầu tư được tiến hành họp theo thể thức sau:

- Người triệu tập Đại hội nhà đầu tư phải gửi giấy mời họp đến tất cả các Nhà đầu tư hoặc thông báo mời họp đến địa chỉ hoặc qua email của tất cả các Nhà đầu tư tối thiểu bảy (07) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kèm theo giấy mời họp phải có chương trình họp, địa điểm họp và các tài liệu thảo luận để làm cơ sở thông qua nghị quyết;
- Tối thiểu 07 ngày làm việc trước khi diễn ra cuộc họp Đại hội nhà đầu tư gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước toàn bộ chương trình, nội dung họp và các tài liệu có liên quan, đồng thời công bố thông tin về việc triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư, trong đó nêu rõ lý do và mục tiêu của cuộc họp
- Nhà đầu tư hoặc nhóm Nhà đầu tư nắm giữ từ mười phần trăm (10%) tổng số Chứng chỉ Quỹ trở lên có quyền kiến nghị những vấn đề đưa vào chương trình họp. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Ban Đại diện Quỹ chậm nhất ba (03) ngày trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên (các) Nhà đầu tư, số lượng Chứng chỉ Quỹ thuộc sở hữu của (các) Nhà đầu tư đó và vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
- Ban Đại diện Quỹ có quyền từ chối kiến nghị trong các trường hợp sau:
 - + Kiến nghị gửi đến không đúng thời hạn, hoặc không đủ và không đúng nội dung;
 - + Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội nhà đầu tư; hoặc
 - + Vấn đề kiến nghị trái với các quy định của pháp luật hiện hành hoặc Điều lệ Quỹ.
- Đại hội nhà đầu tư là cơ quan duy nhất có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo giấy mời họp quy định tại điểm (a) khoản này.

b. Trừ trường hợp Đại hội nhà đầu tư đề lấy ý kiến về các vấn đề quy định tại điểm b, e, f, g, h, i khoản 2 Điều 21 Điều lệ Quỹ phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội nhà đầu tư, Công ty Quản lý quỹ được lấy ý kiến Nhà đầu tư dưới hình thức bằng văn bản. Trong trường hợp này, Ban Đại diện Quỹ phải thực hiện các công việc sau:

- i) Quyết định danh mục các vấn đề cần hỏi ý kiến, hình thức và nội dung phiếu hỏi ý kiến;
- ii) Phát hành phiếu hỏi ý kiến có nội dung như sau:
 - Tên Quỹ;
 - Lý do hỏi ý kiến và danh mục các tài liệu bổ trợ được gửi kèm theo phiếu hỏi ý kiến;
 - Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của Nhà Đầu Tư là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của Nhà Đầu tư là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp

khác của đại diện theo ủy quyền của Nhà Đầu tư là tổ chức; số lượng Đơn Vị Quỹ nắm giữ và số phiếu biểu quyết của Nhà Đầu tư;

- Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;
- Thời hạn cuối cùng nhận ý kiến trả lời;
- Lựa chọn biểu quyết gồm: “nhất trí”, “không nhất trí”, “ý kiến khác”
- Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Ban đại diện quỹ và Đại diện huy động vốn và chào bán chứng chỉ Quỹ;

Gửi phiếu hỏi ý kiến và các tài liệu liên quan đến tất cả các Nhà Đầu Tư có quyền dự họp Đại Hội Nhà Đầu Tư và UBCKNN tối thiểu 7 (bảy) ngày làm việc trước thời hạn cuối cùng nhận ý kiến trả lời, tài liệu gửi kèm bao gồm:

- Dự thảo nghị quyết của Đại hội Nhà Đầu tư;
- Các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết

Hồ sơ gửi lấy ý kiến bằng văn bản phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của Nhà Đầu tư; đồng thời đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý quỹ.

Phiếu lấy ý kiến đã trả lời gửi về Công ty theo một trong các hình thức sau: gửi thư, fax, thư điện tử, bỏ phiếu điện tử (e-voting) hoặc các hình thức điện tử khác. Các phiếu lấy ý kiến gửi về sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc bị tiết lộ trong các trường hợp khác là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

Lập ban kiểm phiếu, trong đó có đại diện của Ngân hàng Giám Sát để thực hiện kiểm phiếu và lập biên bản về kết quả kiểm phiếu. Biên bản, Nghị Quyết được công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản Lý Quỹ trong vòng 07 (bảy) ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn lấy ý kiến.

23.3 Thông qua quyết định của Đại hội nhà đầu tư

- Mỗi Chứng chỉ Quỹ sẽ có một quyền biểu quyết và tương ứng với 01 (một) phiếu biểu quyết. Ngân hàng Giám Sát, Công ty Quản lý Quỹ, tổ chức kiểm toán, công ty luật cung cấp dịch vụ cho Quỹ được quyền tham gia Đại hội Nhà Đầu Tư nhưng không được biểu quyết.
- Trường hợp biểu quyết tại cuộc họp, Quyết định của Đại hội nhà đầu tư được thông qua tại cuộc họp khi được số Nhà đầu tư đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Nhà đầu tư dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản này;
- Nghị quyết của Đại hội nhà đầu tư về các nội dung (1) thay đổi cơ bản trong chính sách, mục tiêu đầu tư của Quỹ; thay đổi mức giá dịch vụ trả cho công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát; thay đổi công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát; (2) chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể quỹ; thay đổi thời hạn hoạt động của quỹ phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội nhà đầu tư. Trong trường hợp này, quyết định tại cuộc họp được thông qua khi số nhà đầu tư đại diện trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả nhà đầu tư dự họp tán thành.
- Trường hợp lấy ý kiến Đại hội nhà đầu tư dưới hình thức bằng văn bản, quyết định của Đại hội nhà đầu tư được thông qua khi được số Nhà đầu tư đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả nhà đầu tư có quyền biểu quyết tán thành;
- Công ty Quản lý quỹ, Ban đại diện Quỹ có trách nhiệm xem xét, bảo đảm các nghị quyết của Đại hội nhà đầu tư là phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ. Trong trường hợp quyết định của Đại hội nhà đầu tư không phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ

Quỹ, thì phải tổ chức họp Đại hội nhà đầu tư để lấy ý kiến lại hoặc lấy ý kiến Nhà đầu tư bằng văn bản;

- f. Các Nhà đầu tư, Ban Đại diện Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng giám sát có trách nhiệm tuân thủ nghị quyết của Đại hội nhà đầu tư.

23.4 Biên bản họp Đại hội nhà đầu tư

- a. Tất cả các cuộc họp Đại hội nhà đầu tư phải được ghi Biên bản họp. Trước khi họp, người chủ trì cuộc họp cử thư ký lập biên bản họp Đại hội nhà đầu tư;
- b. Trong thời hạn 24 giờ sau khi kết thúc Đại hội nhà đầu tư hoặc sau ngày kết thúc việc lấy ý kiến Nhà đầu tư bằng văn bản theo quy định tại điểm b khoản 23.3 Điều 23, Điều lệ Quỹ, Công ty Quản lý quỹ phải gửi biên bản và nghị quyết Đại hội nhà đầu tư cho Ngân hàng giám sát, Nhà đầu tư và công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý quỹ;
- c. Biên bản Đại hội nhà đầu tư phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - Thời gian và địa điểm họp;
 - Tổng số Nhà đầu tư dự họp và tổng số Chứng chỉ Quỹ mà họ đại diện;
 - Chương trình họp;
 - Tóm tắt ý kiến phát biểu tại cuộc họp;
 - Các vấn đề biểu quyết, kết quả biểu quyết đối với từng vấn đề và các quyết định đã được thông qua; và
 - Họ tên và chữ ký của thư ký cuộc họp và Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ hoặc người được Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ ủy quyền chủ trì cuộc họp.

23.5 Quyền dự họp Đại hội nhà đầu tư

- a. Người đại diện theo ủy quyền của Nhà đầu tư có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bằng văn bản cho người khác dự họp Đại hội nhà đầu tư;
- b. Việc ủy quyền cho người khác dự họp Đại hội nhà đầu tư phải lập thành văn bản và phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người được ủy quyền dự họp, người đại diện theo pháp luật của Nhà đầu tư có đóng dấu của Nhà đầu tư;
- c. Người được ủy quyền dự họp Đại hội nhà đầu tư phải nộp văn bản ủy quyền cho người triệu tập cuộc họp trước khi vào phòng họp.

Điều 24. Phản đối quyết định của đại hội Nhà Đầu Tư

- 24.1 Nhà đầu tư phản đối quyết định đã được thông qua bởi Đại hội Nhà đầu tư về các nội dung tại điểm b, c tại Khoản 2 Điều 21 Điều lệ này có quyền yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ mua lại Chứng chỉ Quỹ của mình hoặc chuyển đổi sang Quỹ khác của Công ty Quản lý Quỹ mà có cùng chính sách đầu tư. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của Nhà đầu tư, số lượng Đơn vị Quỹ, lý do yêu cầu mua lại hoặc đề nghị chuyển đổi sang Quỹ có cùng chính sách đầu tư do Công ty Quản lý quỹ quản lý. Yêu cầu phải được Nhà đầu tư gửi cho Công ty Quản lý Quỹ trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày Đại hội Nhà đầu tư thông qua quyết định về các vấn đề nêu trên hoặc kết quả xin ý kiến bằng văn bản hoặc xin ý kiến bằng hình thức bỏ phiếu điện tử được công bố.

- 24.2 Trong thời hạn bốn mươi lăm (45) ngày, kể từ ngày công bố kết quả họp Đại hội Nhà đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm hoàn tất việc mua lại hoặc chuyển đổi Chứng chỉ Quỹ cho Nhà Đầu Tư phản đối quyết định của Đại hội Nhà Đầu Tư theo quy định tại khoản 24.1 Điều này đối với các yêu cầu của Nhà Đầu Tư được gửi tới trụ sở của Công ty Quản lý Quỹ, Đại lý phân phối. Trong trường hợp này, mức giá mua lại được xác định trên cơ sở giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ được xác định tại kỳ giao dịch gần nhất kể từ khi Công ty quản lý quỹ nhận được yêu cầu của Nhà đầu tư, Nhà đầu tư không phải thanh toán giá dịch vụ mua lại, giá dịch vụ chuyển đổi.

Chương V

BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Điều 25: Ban Đại diện Quỹ

- 25.1. Cơ cấu Ban Đại diện Quỹ: Ban đại diện Quỹ gồm ba (03) thành viên được bầu tại các cuộc họp Đại hội nhà đầu tư hoặc được Nhà đầu tư cho ý kiến bằng văn bản. Trong Ban Đại Diện Quỹ phải có:

- Tối thiểu 01 (một) thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, có kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán;
- Tối thiểu 01 (một) thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm làm việc trong hoạt động phân tích đầu tư chứng khoán hoặc quản lý tài sản;
- Tối thiểu 01 (một) thành viên có trình độ chuyên môn về Pháp luật.

Việc đề cử, ứng cử thành viên Ban đại diện Quỹ phải tuân thủ quy định sau:

- a. Thông tin liên quan đến các ứng viên Ban đại diện Quỹ phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ chậm nhất mười (10) ngày, trước ngày triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư để bầu thành viên Ban đại diện Quỹ. Thông tin tối thiểu phải bao gồm: họ tên, ngày tháng năm sinh; trình độ chuyên môn; trình độ quản lý; kinh nghiệm trong hoạt động quản lý tài sản, hoặc phân tích đầu tư hoặc các kinh nghiệm trong hoạt động chứng khoán, ngân hàng, bảo hiểm; quá trình công tác và kết quả đạt được; các công ty, quỹ mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên hội đồng quản trị, thành viên ban đại diện quỹ; các lợi ích có liên quan tới công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát; các thông tin khác nếu có liên quan;
- b. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban đại diện Quỹ thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban đại diện Quỹ đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ Quỹ. Cơ chế đề cử hay cách thức Ban đại diện Quỹ đương nhiệm đề cử ứng viên Ban đại diện Quỹ được công bố rõ ràng và được Đại hội nhà đầu tư thông qua trước khi tiến hành đề cử;
- c. Trình tự thủ tục đề cử, ứng cử thành viên Ban đại diện Quỹ;
 - Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban đại diện Quỹ, công ty quản lý quỹ phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội nhà đầu tư trên trang thông tin điện tử của công ty để các Nhà đầu

tư có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban đại diện quỹ phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban đại diện quỹ. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố được quy định theo điểm a, khoản 1, điều 25 Điều lệ này.

- Nhà đầu tư hoặc nhóm nhóm Nhà đầu tư sở hữu từ 10% tổng số chứng chỉ quỹ trở lên có quyền đề cử người vào Ban đại diện Quỹ.
- Các Nhà đầu tư hợp thành nhóm đề cử người vào Ban đại diện Quỹ phải thông báo về việc hợp nhóm cho các Nhà đầu tư dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội nhà đầu tư;
- Căn cứ số lượng thành viên Ban đại diện Quỹ, Nhà đầu tư hoặc nhóm nhóm thành viên quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội nhà đầu tư làm ứng cử viên Ban đại diện Quỹ. Trường hợp số ứng cử viên được Nhà đầu tư hoặc nhóm nhóm thành viên đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội nhà đầu tư thì số ứng cử viên còn lại do Ban đại diện quỹ và các Nhà đầu tư khác đề cử.

25.2 Tối thiểu hai phần ba (2/3) số thành viên của Ban đại diện Quỹ là các thành viên độc lập, không phải là người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng giám sát, hoặc đại diện theo ủy quyền của các tổ chức này.

25.3 Quyết định của Ban đại diện Quỹ được thông qua bằng biểu quyết tại các cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên ban đại diện Quỹ có một phiếu biểu quyết.

25.4 Trường hợp cơ cấu ban đại diện Quỹ không còn đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 25 Điều lệ Quỹ, trong thời hạn mười lăm (15) ngày sau khi phát hiện sự việc, Ban đại diện Quỹ có trách nhiệm lựa chọn thành viên tạm thời thay thế đáp ứng quy định có liên quan. Công ty Quản lý Quỹ thực hiện công bố thông tin về việc lựa chọn thành viên tạm thời thay thế của Ban đại diện Quỹ theo quy định của pháp luật chứng khoán về việc thay đổi thành viên Ban đại diện Quỹ. Thành viên tạm thời thay thế thực hiện quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban đại diện Quỹ cho tới khi Đại hội nhà đầu tư chính thức bổ nhiệm thành viên thay thế.

Điều 26. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban đại diện quỹ

26.1 Ban đại diện Quỹ có nhiệm kỳ năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Ban đại diện Quỹ của nhiệm kỳ vừa kết thúc sẽ hoạt động cho đến khi Ban đại diện Quỹ mới được bầu và tiếp tục quản lý công việc. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Ban đại diện Quỹ đó.

26.2. Thành viên Ban đại diện Quỹ phải đảm bảo các điều kiện sau:

- a. Có đầy đủ năng lực hành vi dân sự;
- b. Không thuộc đối tượng cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp;

- c. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực đầu tư của quỹ, không nhất thiết phải là đại diện của nhà đầu tư/nhóm nhà đầu tư chứng chỉ quỹ
- d. Các điều kiện khác theo quy định của pháp luật.

26.3 Những người sau đây không được là thành viên ban đại diện Quỹ:

- a. Người chưa thành niên, người bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự; người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang chấp hành bản án, quyết định về hình sự của Tòa án trong hoặc ngoài nước hoặc đang bị Tòa án cấm hành nghề kinh doanh;
- b. Người đã bị kết án về tội xâm phạm sở hữu, xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, bị kết án về các tội danh trong lĩnh vực chứng khoán, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm mà chưa được xóa án tích, trong hoặc ngoài nước; người đã bị kết án về tội từ tội phạm nghiêm trọng trở lên trong hoặc ngoài nước;
- c. Là các đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp khác theo quy định pháp luật về doanh nghiệp;
- d. Người đã từng là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh, Giám đốc (Tổng giám đốc), thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát của doanh nghiệp, chủ nhiệm và các thành viên ban quản trị hợp tác xã tại thời điểm doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản, trừ trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản vì lý do bất khả kháng;
- e. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp tại thời điểm doanh nghiệp bị đình chỉ hoạt động, bị buộc giải thể do vi phạm pháp luật nghiêm trọng, trừ trường hợp là đại diện theo đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhằm chấn chỉnh, củng cố doanh nghiệp đó;
- f. Người đã từng bị đình chỉ chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, trưởng ban kiểm soát, thành viên ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) của tổ chức tín dụng, tổ chức kinh doanh chứng khoán, doanh nghiệp bảo hiểm theo quy định của pháp luật chuyên ngành, hoặc bị cơ quan có thẩm quyền xác định người đó có vi phạm dẫn đến việc tổ chức đó bị thu hồi giấy phép;
- g. Người thuộc đối tượng không được tham gia quản lý, điều hành theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức và pháp luật về phòng, chống tham nhũng;
- h. Là thành viên của trên năm (05) Ban đại diện Quỹ đại chúng, hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán đại chúng.

26.4 Các trường hợp sau đây đương nhiên mất tư cách thành viên Ban đại diện Quỹ:

- a. Mất năng lực hành vi dân sự, chết;
- b. Là người đại diện phần vốn góp của Nhà đầu tư tổ chức khi tổ chức đó bị chấm dứt tư cách pháp nhân;
- c. Không còn là người đại diện phần vốn góp theo ủy quyền của Nhà đầu tư tổ chức;
- d. Bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

26.5 Việc thay đổi người đại diện theo ủy quyền của Nhà đầu tư là sự kiện để chấm dứt tư cách thành viên Ban đại diện Quỹ của Người được cử làm người đại diện theo ủy quyền cũ. Người được cử làm người đại diện theo ủy quyền mới không đương nhiên trở thành thành viên Ban đại diện Quỹ mà chỉ trở thành thành viên Ban đại diện Quỹ nếu được Đại hội nhà đầu tư bầu theo quy định tại Điều 21 Điều lệ Quỹ.

Điều 27: Quyền và nghĩa vụ của Ban Đại diện Quỹ

- 27.1 Đại diện cho quyền lợi của Nhà đầu tư; thực hiện các hoạt động phù hợp với quy định pháp luật để bảo vệ quyền lợi của Nhà đầu tư.
- 27.2 Phê duyệt sổ tay định giá giá trị tài sản ròng của quỹ, danh sách các tổ chức cung cấp báo giá; danh sách các tổ chức tín dụng theo quy định tại điểm a, b khoản 9.3 Điều 9, Điều lệ Quỹ; chấp thuận các giao dịch theo quy định tại điểm đ) khoản 3 Điều 9, Điều lệ Quỹ.
- 27.3 Chấp thuận các giao dịch vào các tài sản được phép đầu tư theo phương thức thỏa thuận (trừ trường hợp giao dịch thực hiện trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán).
- 27.4 Quyết định mức lợi nhuận phân phối theo phương án phân chia lợi nhuận quy định tại Điều lệ Quỹ hoặc đã được Đại hội nhà đầu tư thông qua; thời điểm thực hiện, cách thức, hình thức phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.
- 27.5 Trường hợp Đại hội nhà đầu tư gần nhất đã ủy quyền, Ban đại diện quỹ được quyết định các vấn đề quy định sau:
- Thay đổi cơ bản trong chính sách, mục tiêu đầu tư của quỹ quy định tại Điều lệ quỹ; tăng mức giá dịch vụ trả cho công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát; thay đổi công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát;
 - Chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể quỹ;
 - Phương án phân phối lợi nhuận
 - Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch và thành viên Ban đại diện quỹ; quyết định mức thù lao và chi phí hoạt động của Ban đại diện quỹ; thông qua việc lựa chọn tổ chức kiểm toán được chấp thuận để kiểm toán báo cáo tài chính hằng năm của quỹ; thông qua các báo cáo tình hình tài chính, báo cáo về tài sản và hoạt động hằng năm của quỹ;
 - Xem xét và xử lý vi phạm của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát và Ban đại diện quỹ gây tổn thất cho quỹ;
 - Yêu cầu công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát xuất trình sổ sách hoặc giấy tờ giao dịch tại Đại hội nhà đầu tư;
 - Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền theo quy định pháp luật về chứng khoán và Điều lệ quỹ.
- Trong trường hợp này, công ty quản lý quỹ phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin Quyết định của Ban đại diện quỹ theo quy định về công bố thông tin đối với Quyết định của Đại hội nhà đầu tư.
- 27.6 Quyết định các vấn đề chưa có sự thống nhất giữa Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng giám sát trên cơ sở quy định của pháp luật.
- 27.7 Yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng giám sát kịp thời cung cấp đầy đủ các tài liệu, thông tin về hoạt động quản lý tài sản và hoạt động lưu ký.
- 27.8 Quyết định các vấn đề khác trừ các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội nhà đầu tư;

27.9 Ban đại diện Quỹ được hưởng thù lao và được thanh toán chi phí hoạt động.

27.10 Khi thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình, Ban Đại Diện Quỹ tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Quỹ và quyết định của Đại hội Nhà Đầu Tư. Trong trường hợp quyết định do Ban Đại Diện Quỹ thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Quỹ gây thiệt hại cho Quỹ thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Quỹ; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm.

27.11. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban đại diện quỹ

- a. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban đại diện quỹ được thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán áp dụng đối với thành viên Hội đồng quản trị của công ty niêm yết.
- b. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì quyền lợi tốt nhất của Quỹ; không được ủy quyền cho người khác thực hiện quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của mình đối với Quỹ.
- c. Tham dự đầy đủ các cuộc họp Ban đại diện Quỹ và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận.

Điều 28: Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ

28.1 Đại hội nhà đầu tư bầu Chủ tịch Ban đại diện Quỹ trong số thành viên Ban đại diện và căn cứ theo đề cử của Ban đại diện Quỹ. Chủ tịch Ban đại diện Quỹ phải là thành viên độc lập, tức là không phải là người có liên quan của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát, hoặc đại diện theo ủy quyền của các tổ chức này.

28.2 Chủ tịch Ban đại diện Quỹ có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Ban đại diện Quỹ;
- b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ các cuộc họp Ban đại diện Quỹ; triệu tập và chủ trì các cuộc họp Ban đại diện Quỹ;
- c. Theo dõi quá trình thực hiện các quyết định của Ban đại diện Quỹ; và
- d. Các quyền và nghĩa vụ khác theo các quy định tại Điều lệ Quỹ.

Điều 29. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Ban đại diện quỹ

29.1 Đại hội nhà đầu tư miễn nhiệm thành viên Ban đại diện trong trường hợp sau đây:

- a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 26 của Điều lệ này;
- b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

29.2 Đại hội nhà đầu tư bãi nhiệm thành viên Ban đại diện trong trường hợp sau đây:

- a. Không tham gia các hoạt động của Ban đại diện trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- b. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ này.

- 29.3 Khi xét thấy cần thiết, Đại hội nhà đầu tư quyết định thay thế thành viên Ban đại diện; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban đại diện ngoài trường hợp quy định tại khoản 29.1 và khoản 29.2 Điều này.
- 29.4 Ban đại diện phải triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư để bầu bổ sung thành viên Ban đại diện trong trường hợp sau đây:
- Số thành viên Ban đại diện bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ quỹ.
 - Số lượng thành viên độc lập giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định;
 - Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội nhà đầu tư bầu thành viên mới thay thế thành viên Ban đại diện đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 30: Thủ tục điều hành của Ban đại diện Quỹ

- 30.1 Trường hợp chủ tịch Ban đại diện Quỹ vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao thì thành viên Ban đại diện Quỹ được chủ tịch Ban đại diện Quỹ ủy quyền sẽ thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Ban đại diện Quỹ.
- 30.2 Trường hợp không có người được ủy quyền, các thành viên Ban đại diện Quỹ còn lại chọn một trong số các thành viên độc lập tạm thời giữ chức chủ tịch Ban đại diện Quỹ theo nguyên tắc nhất trí. Việc bầu lại Chủ tịch Ban đại diện Quỹ sẽ được thực hiện tại Đại hội nhà đầu tư thường niên gần nhất.

Điều 31: Cuộc họp Ban đại diện Quỹ

- 31.1 Ban đại diện Quỹ tổ chức họp tối thiểu mỗi quý một lần hoặc theo yêu cầu của Công ty Quản lý Quỹ.
- 31.2 Trình tự tổ chức cuộc họp, chương trình họp và các tài liệu liên quan được thông báo trước cho các thành viên trước 03 (ba) ngày.
- 31.3 Cuộc họp Ban đại diện Quỹ được tổ chức khi có tối thiểu hai phần ba (2/3) số thành viên dự họp, trong đó số thành viên độc lập phải chiếm đa số (trên 50% số thành viên dự họp trở lên). Mỗi thành viên ban đại diện có 01 (một) phiếu khi biểu quyết. Thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản hoặc theo hình thức khác (qua email/fax/điện thoại...). Quyết định của Ban đại diện Quỹ được thông qua nếu được đa số thành viên và đa số thành viên độc lập thông qua bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác (qua email/fax/điện thoại...).
- 31.4 Ban đại diện Quỹ họp thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
- Báo cáo tài chính trước khi trình Đại hội nhà đầu tư;
 - Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ đánh giá thực trạng hoạt động kinh doanh của Quỹ;
 - Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.
- 31.5 Ban đại diện Quỹ phải triệu tập họp bất thường Ban đại diện Quỹ trong các trường hợp sau đây:

- a. Ban đại diện Quỹ xét thấy cần thiết hoặc theo yêu cầu của Công ty Quản lý Quỹ vì lợi ích của Quỹ;
- b. Số thành viên Ban đại diện còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật
- c. Theo yêu cầu của Nhà đầu tư hoặc nhóm Nhà đầu tư ;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật

31.6 Ban đại diện Quỹ phải triệu tập họp Ban đại diện Quỹ trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày số thành viên Ban đại diện Quỹ còn lại như quy định tại điểm b mục 31.5 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 31.5 Điều này.

Trường hợp Ban đại diện Quỹ không triệu tập họp Ban đại diện Quỹ như quy định thì Chủ tịch Ban đại diện Quỹ phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Quỹ.

31.7 Trường hợp Ban đại diện Quỹ không triệu tập họp Ban đại diện Quỹ theo quy định tại khoản 31.6 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Đại hội nhà đầu tư thay thế Ban đại diện Quỹ và triệu tập họp Ban đại diện Quỹ theo quy định của Điều này.

31.8 Trường hợp Đại hội nhà đầu tư không triệu tập họp Ban đại diện Quỹ theo quy định tại khoản 31.7 Điều này thì Nhà đầu tư hoặc nhóm Nhà đầu tư quy định tại khoản 3 Điều 14 của Điều lệ này có quyền thay thế Ban đại diện Quỹ, Đại hội nhà đầu tư triệu tập họp Ban đại diện Quỹ theo quy định của Điều này.

Người triệu tập phải lập danh sách Nhà đầu tư có quyền dự họp Ban đại diện Quỹ, cung cấp thông tin, lập chương trình và nội dung cuộc họp, chuẩn bị tài liệu, xác định thời gian và địa điểm họp, gửi thông báo mời họp đến từng Nhà đầu tư có quyền dự họp theo quy định của pháp luật.

Chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Ban đại diện Quỹ theo quy định tại các khoản 31.6, 31.7 và 31.8 của Điều 31, Điều lệ Quỹ sẽ được Quỹ chi trả.

31.9 Trong trường hợp Ban Đại diện Quỹ xét thấy không cần thiết phải triệu tập cuộc họp định kỳ để quyết định khẩn cấp một số vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban đại diện Quỹ, Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ có thể tổ chức lấy ý kiến của các thành viên Ban đại diện Quỹ bằng văn bản. Trong trường hợp này, Chủ tịch Ban đại diện Quỹ phải làm các công việc sau:

- a. Quyết định danh mục các vấn đề cần hỏi ý kiến, hình thức và nội dung, phiếu hỏi ý kiến. Phiếu hỏi ý kiến phải có những nội dung sau:
 - i. Tên Quỹ;
 - ii. Lý do hỏi ý kiến;
 - iii. Vấn đề cần hỏi ý kiến và danh mục tài liệu bổ trợ được gửi kèm theo phiếu hỏi ý kiến;
 - iv. Lựa chọn biểu quyết gồm: “nhất trí”, “không nhất trí” và “ không có ý kiến”, và;
 - v. Thời hạn cuối cùng mà các thành viên Ban Đại diện Quỹ phải gửi ý kiến trả lời.
- b. Gửi phiếu hỏi ý kiến kèm theo các tài liệu liên quan đến tất cả các thành viên Ban đại diện Quỹ.
- c. Thực hiện việc kiểm phiếu và lập biên bản về kết quả kiểm phiếu; và
- d. Thông báo bằng văn bản về kết quả hỏi ý kiến và các quyết định được thông qua đến tất cả các thành viên Ban đại diện Quỹ trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc thời

hạn mà các thành viên Ban đại diện Quỹ phải gửi ý kiến trả lời của họ. Trong trường hợp các thành viên Ban đại diện Quỹ không gửi văn bản trả lời hoặc gửi văn bản trả lời không đúng thời hạn quy định thì được coi như là đã biểu quyết “không có ý kiến”

Điều 32: Biên bản họp Ban Đại diện Quỹ

Biên bản họp Ban đại diện Quỹ phải được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và các thành viên Ban đại diện Quỹ tham gia vào phiên họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Ban đại diện quỹ tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp Ban đại diện Quỹ phải được lưu giữ tại Công ty Quản lý Quỹ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và Điều lệ Quỹ.

Chương VI CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Điều 33. Tiêu chuẩn lựa chọn Công ty quản lý quỹ

Công ty Quản lý Quỹ được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

- 33.1 Được UBCKNN cấp giấy phép quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán;
- 33.2 Độc lập với Ngân hàng Giám Sát;
- 33.3 Có đầy đủ cơ sở vật chất, nhân sự để Quản lý Quỹ mở;
- 33.4 Đồng ý thực hiện các cam kết đối với Quỹ như nêu tại Phụ lục 1.1 và Phụ lục 1.3 của Điều lệ này.

Điều 34. Quyền và nghĩa vụ của Công ty quản lý quỹ

34.1 Nghĩa vụ của công ty quản lý quỹ

- a. Tuân thủ Điều lệ này và bảo vệ quyền lợi của các Nhà Đầu Tư;
- b. Phải bố trí tối thiểu hai (02) người điều hành Quỹ để quản lý Quỹ. Người điều hành Quỹ phải có kinh nghiệm thực tế trong hoạt động quản lý tài sản ít nhất hai (02) năm và chưa bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán;
- c. Hành động công bằng, trung thực và vì quyền lợi của Quỹ và các Nhà Đầu Tư;
- d. Ký Hợp đồng giám sát với Ngân hàng Giám Sát và các Đại lý phân phối, Đại lý chuyển nhượng;
- e. Tổ chức thực hiện các quyết định của Ban Đại Diện Quỹ và Đại hội Nhà Đầu Tư;
- f. Bảo toàn và quản lý tách biệt tài sản của Quỹ với các Quỹ khác mà Công ty Quản lý Quỹ quản lý cũng như các tài sản của Công ty Quản lý Quỹ; đảm bảo sự tách biệt về tổ chức, nhân sự, và hoạt động giữa hoạt động quản lý Quỹ cho Quỹ với các hoạt động tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán khác của Công ty Quản lý Quỹ;
- g. Đảm bảo sự công bằng và không làm tổn hại đến quyền lợi của Quỹ khi thực hiện những giao dịch của Quỹ mà có sự tham gia của Người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ; thông báo đầy đủ thông tin liên quan đến các giao dịch đó cho Ban Đại Diện Quỹ và

UBCKNN (nếu có quy định) và thông báo trực tiếp cho các Nhà Đầu Tư về các thông tin đó;

- h. Đảm bảo việc ủy quyền trách nhiệm cho bên thứ ba và sự thay đổi tổ chức, quản lý của Công ty Quản lý Quỹ không gây ảnh hưởng bất lợi đến quyền lợi của Quỹ;
- i. Đảm bảo tất cả các giao dịch chứng khoán của người quản lý, điều hành và nhân viên của Công ty Quản lý Quỹ đều phải được báo cáo và quản lý tập trung phù hợp với quy định của pháp luật;
- j. Đảm bảo rằng khi Công ty Quản lý Quỹ giao dịch mua, bán các tài sản cho Quỹ thì những người quản lý, điều hành của Công ty Quản lý Quỹ cũng như những người điều hành Quỹ không được nhận bất kỳ một lợi ích nào cho Công ty Quản lý Quỹ, bản thân họ hoặc bất kỳ bên thứ ba nào, ngoài khoản phí quy định trong Điều lệ này;
- k. Thực hiện việc xác định Giá trị Tài sản ròng theo quy định của pháp luật;
- l. Thực hiện các quyền liên quan đến tài sản của Quỹ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;
- m. Trong trường hợp Ngân hàng Giám Sát phát hiện bất kỳ giao dịch nào không phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ hoặc vượt quá thẩm quyền của Công ty Quản lý Quỹ và đã thông báo cho Công ty Quản lý Quỹ thì Công ty Quản lý Quỹ phải hủy bỏ giao dịch đó hoặc thực hiện mua hoặc/bán tài sản của Quỹ nhằm phục hồi tình trạng tài sản của Quỹ như trước khi có giao dịch. Việc phục hồi tình trạng của Quỹ phải được thực hiện trong vòng ba (03) tháng kể từ khi phát sinh giao dịch không phù hợp. Mọi chi phí phát sinh liên quan đến các giao dịch này và tổn thất của Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ chịu, không được tính vào chi phí quản lý Quỹ;
- n. Tự mình hoặc ủy quyền cho tổ chức dịch vụ khác lập và lưu giữ sổ Đăng ký Nhà Đầu Tư góp vốn và mọi thông tin liên quan đến việc chuyển nhượng Chứng chỉ Quỹ;
- o. Tổ chức các cuộc họp thường kỳ hoặc bất thường Đại hội Nhà Đầu Tư và thực hiện các công việc hành chính khác có liên quan để đảm bảo hoạt động của Quỹ diễn ra thông suốt;
- p. Lưu trữ đầy đủ các chứng từ và tài khoản phản ánh chi tiết, chính xác và kịp thời mọi lệnh đặt giao dịch của Quỹ theo quy định của pháp luật;
- q. Lập các báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động và các báo cáo khác của Quỹ và gửi các báo cáo đó đến Ban Đại Diện Quỹ, các Nhà Đầu Tư và các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;
- r. Chịu trách nhiệm đền bù các tổn thất của Quỹ mà Công ty Quản lý Quỹ hoặc nhân viên của Công ty Quản lý Quỹ gây ra do Công ty Quản lý Quỹ không thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định; và
- s. Công ty Quản lý Quỹ phải tuân thủ các cam kết quy định tại các Phụ lục của Điều lệ này và các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật Việt Nam.

34.2 Quyền của công ty quản lý quỹ

- a. Được hưởng các khoản giá dịch vụ và thưởng quy định trong Điều lệ phù hợp với quy định của pháp luật;
- b. Được thực hiện các hoạt động kinh doanh và cung cấp dịch vụ phù hợp với quy định của pháp luật;
- c. Được tham gia các cuộc họp của Ban Đại Diện Quỹ và Đại hội Nhà Đầu Tư;
- d. Đề cử ứng viên thích hợp làm thành viên Ban Đại Diện Quỹ để Đại Hội Nhà Đầu Tư bầu chọn;

- e. Quyết định các khoản đầu tư của Quỹ phù hợp với Điều lệ này, Bản Cáo Bạch của Quỹ và Pháp luật.

Điều 35. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Công ty quản lý quỹ

- 35.1 Công ty Quản lý Quỹ chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong các trường hợp sau:
 - a. Theo đề nghị Ban Đại Diện Quỹ sau khi đã được Đại hội Nhà Đầu Tư chấp thuận;
 - b. Bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động;
 - c. Hợp nhất, sáp nhập với một Công ty Quản lý Quỹ khác dẫn đến bị chấm dứt hoạt động;
 - d. Quỹ bị chấm dứt hoạt động do bị hợp nhất, sáp nhập hoặc giải thể.
- 35.2 Trước thời điểm dự kiến chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ tối thiểu sáu (06) tháng, Công ty Quản lý Quỹ phải tổ chức họp Đại hội Nhà Đầu Tư lấy ý kiến về việc chấm dứt quyền, nghĩa vụ đối với Quỹ.
- 35.3 Trừ trường hợp quy định tại khoản 35.1 Điều này, quyền và nghĩa vụ của Công ty Quản lý Quỹ đối với Quỹ chỉ chấm dứt từ thời điểm Công ty Quản lý Quỹ hoàn tất việc bàn giao công việc quản lý cho Công ty Quản lý Quỹ kế nhiệm. Việc bàn giao công việc quản lý giữa hai Công ty Quản lý Quỹ phải được lập thành văn bản và có xác nhận của Ban Đại Diện Quỹ và Ngân hàng Giám sát và Công ty Quản lý Quỹ phải thực hiện các thủ tục báo cáo UBCKNN theo quy định của pháp luật. Công ty Quản lý Quỹ bị thay thế phải hoàn toàn chịu các nghĩa vụ chưa thực hiện (nếu có) đối với Quỹ.
- 35.4 Việc thay đổi Công ty Quản lý Quỹ kế nhiệm chỉ được tiến hành sau khi đã được Đại hội nhà đầu tư Nhà Đầu Tư lựa chọn và thông qua. Công ty Quản lý Quỹ kế nhiệm phải thực hiện các thủ tục báo cáo cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 36. Hạn chế hoạt động của Công ty quản lý quỹ

- 36.1 Công ty Quản lý Quỹ không được là Người có liên quan, có quan hệ sở hữu đối với Ngân hàng Giám Sát, Ngân Hàng Lưu Ký, Chủ tịch, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó giám đốc (Phó Tổng Giám đốc), nhân viên bộ phận kiểm toán nội bộ, ban kiểm soát (nếu có), nhân viên của Công ty Quản lý Quỹ không được đồng thời làm việc cho Ngân hàng Giám Sát, Ngân Hàng Lưu Ký, tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ và ngược lại.

Công ty quản lý quỹ, người có liên quan của công ty quản lý quỹ được tham gia góp vốn thành lập, đầu tư vào quỹ, công ty đầu tư chứng khoán mà công ty quản lý quỹ đang quản lý trừ trường hợp sử dụng tài sản của khách hàng ủy thác quản lý danh mục, quỹ, công ty đầu tư chứng khoán do mình quản lý để đầu tư vào quỹ, công ty đầu tư chứng khoán khác do mình quản lý.
- 36.2 Công ty Quản lý Quỹ không được sử dụng tài sản của Quỹ để (i) đầu tư vào chính Quỹ đó và các Quỹ đầu tư chứng khoán khác kể cả công ty đầu tư chứng khoán, Quỹ đầu tư bất động sản do mình quản lý; (ii) đầu tư vào chính Công ty Quản lý Quỹ; đầu tư vào tổ chức là người

có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ; (iii) đầu tư vào tổ chức mà thành viên hội đồng quản trị, hoặc hội đồng thành viên, thành viên ban điều hành, nhân viên của Công ty Quản lý Quỹ là cổ đông hoặc thành viên sở hữu trên mười phần trăm (10%) vốn điều lệ.

- 36.3 Trừ trường hợp khách hàng ủy thác là cá nhân nước ngoài, tổ chức 100% vốn nước ngoài và đã chấp thuận cho phép thực hiện giao dịch, Công ty Quản lý Quỹ không được sử dụng tài sản ủy thác để đầu tư vào Quỹ.
- 36.4 Khi Công ty Quản lý Quỹ giao dịch các tài sản của Quỹ thì Chủ tịch, Giám đốc/Tổng Giám đốc, Phó Giám đốc/Phó Tổng giám đốc, người hành nghề quản lý Quỹ và mọi nhân viên của Công ty Quản lý Quỹ không được phép yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận, dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa của Công ty Quản lý Quỹ, bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào từ việc thực hiện các giao dịch tài sản của Quỹ ngoại trừ các khoản phí quy định tại Phụ lục số 5 của Điều lệ này.
- 36.5 Công ty Quản lý Quỹ không được sử dụng tài sản của Quỹ để cho vay, bảo lãnh cho bất kỳ khoản vay nào của Công ty Quản lý Quỹ, Người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ hoặc để thanh toán các nghĩa vụ nợ của bản thân Công ty thanh toán các nghĩa vụ nợ của Người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ hoặc thanh toán các nghĩa vụ nợ của bất kỳ một đối tác nào.
- 36.6 Người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ được giao dịch chứng chỉ quỹ mở; giao dịch trong đợt chào mua công khai hoặc trong đợt chào bán, phát hành ra công chúng theo quy định của pháp luật.
- 36.7 Các hạn chế khác theo quy định của pháp luật về tổ chức và hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ.

Chương VII **NGÂN HÀNG GIÁM SÁT**

Điều 37. Tiêu chuẩn lựa chọn ngân hàng giám sát

37.1. Ngân hàng Giám Sát do Công ty Quản lý Quỹ lựa chọn phải đáp ứng các điều kiện:

- a. Ngân hàng Giám Sát là ngân hàng thương mại có Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán có chức năng thực hiện các dịch vụ lưu ký và giám sát việc quản lý quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán;
- b. Không phải là người có liên quan với Công ty Quản lý Quỹ.
- c. Đáp ứng đầy đủ điều kiện về nhân sự, năng lực để thực hiện dịch vụ giám sát, lưu ký của Quỹ.

37.2. Ngân hàng giám sát phải hoàn toàn độc lập và tách biệt với công ty quản lý quỹ mà ngân hàng cung cấp dịch vụ giám sát.

Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của ngân hàng giám sát

38.1. Nghĩa vụ của ngân hàng giám sát

- a. Luôn luôn hành động vì lợi ích tốt nhất của các nhà đầu tư quỹ;
- b. Chịu trách nhiệm đối với những tổn thất gây ra cho Quỹ do những sai sót của ngân hàng;
- c. Đảm bảo thực hiện giám sát hoạt động của công ty quản lý quỹ trong việc quản lý tài sản quỹ theo quy định tại Luật Chứng khoán, các quy định có liên quan và Điều lệ quỹ ;
- d. Cung cấp các dịch vụ giám sát, lưu ký tài sản của Quỹ theo đúng quy định của pháp luật liên quan, Hợp đồng giám sát và Điều lệ quỹ;
- e. Tách bạch tài sản của Quỹ với tài sản của công ty quản lý quỹ, tài sản của các quỹ khác, tài sản của những khách hàng khác của ngân hàng giám sát và tài sản của chính ngân hàng giám sát;
- f. Đảm bảo và hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với tài sản của Quỹ khi ủy thác cho tổ chức lưu ký phụ;
- g. Giám sát hoặc tính toán giá trị tài sản ròng của Quỹ [tần suất] phù hợp với các quy định pháp luật và Điều lệ Quỹ, đảm bảo việc tính toán giá trị tài sản ròng của Quỹ là chính xác;
- h. Xử lý các giao dịch về chứng khoán phù hợp với chỉ thị hợp pháp của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát có thể từ chối những chỉ thị đó nếu ngân hàng giám sát có cơ sở để tin rằng những chỉ thị này là không hợp pháp hoặc không phù hợp với Điều lệ quỹ. Việc từ chối phải được gửi bằng văn bản đến công ty quản lý quỹ và nêu rõ lý do, bản sao gửi đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- i. Thực hiện đối chiếu thường xuyên tài sản của Quỹ với công ty quản lý quỹ;
- j. Thanh toán những khoản chi phí hợp lý, hợp lệ của Quỹ theo chỉ thị hợp pháp của công ty quản lý quỹ, đảm bảo những khoản chi phí đó phù hợp với các quy định pháp luật và các điều khoản của Điều lệ quỹ;
- k. Thanh toán tiền cho nhà đầu tư của Quỹ khi công ty quản lý quỹ thực hiện việc mua lại chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư, hoặc khi quỹ phân phối thu nhập hoặc khi Quỹ thanh lý, giải thể thanh toán cho nhà đầu tư và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Quỹ theo đúng chỉ thị hợp pháp của công ty quản lý quỹ, đảm bảo rằng những khoản thanh toán được thực hiện phù hợp với các điều khoản của Điều lệ;
- l. Giữ sổ theo dõi riêng về những thay đổi trong tổng số chứng chỉ phát hành, số chứng chỉ quỹ sở hữu bởi từng nhà đầu tư, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, địa chỉ và cập nhật tất cả những thay đổi nếu có.

38. 2. Quyền của ngân hàng giám sát

- a. Được rà soát quy trình nội bộ của Công ty Quản lý Quỹ về nguyên tắc, phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ; bảo đảm giá trị tài sản ròng trên một đơn vị Quỹ là tính đúng, chính xác và phù hợp với quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ Quỹ;
- b. Được kiểm tra hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ, kiểm tra các giao dịch tài sản giữa Quỹ với Công ty Quản lý Quỹ và người có liên quan;
- c. Được rà soát, thẩm định năng lực hệ thống máy tính, phần mềm máy tính, yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ kịp thời cung cấp các quy trình quản lý tài sản, kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, sổ tay định giá, quy trình nhận và thực hiện lệnh của Nhà đầu tư và các thông tin cần thiết liên quan đến hoạt động quản lý tài sản của Quỹ;
- d. Được sử dụng các dịch vụ cung cấp bởi công ty kiểm toán và các tổ chức khác để thực hiện công việc được quy định trong Hợp đồng đã ký và tự chịu toàn bộ chi phí;
- e. Được quyền tham dự Đại Hội Nhà Đầu Tư nhưng không được quyền biểu quyết;

- f. Được quyền nhận phí cung cấp dịch vụ lưu ký giám sát phù hợp với Hợp đồng Giám sát được ký kết giữa Công ty Quản lý Quỹ thay mặt cho Quỹ và Ngân hàng Giám Sát, Điều Lệ này và Pháp luật.

Điều 39. Hoạt động giám sát của ngân hàng giám sát

- 39.1 Phạm vi giám sát chỉ hạn chế trong các hoạt động của Công ty quản lý quỹ có liên quan tới Quỹ mà ngân hàng thực hiện chức năng giám sát. Trong hoạt động giám sát, ngân hàng giám sát phải:
 - a. Phối hợp với công ty quản lý quỹ định kỳ rà soát quy trình nội bộ về nguyên tắc, phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của quỹ; giám sát việc xác định giá tài sản ròng; kiểm tra, bảo đảm giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ, giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ là tính đúng, chính xác và phù hợp quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ;
 - b. Giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của quỹ, kiểm tra lại bảo đảm loại tài sản đầu tư, cơ cấu danh mục đầu tư là phù hợp với các quy định về hạn chế đầu tư, hạn chế vay theo quy định của pháp luật và tại Điều lệ quỹ; giám sát các giao dịch tài sản giữa quỹ với công ty quản lý quỹ và người có liên quan, bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật và tại Điều lệ quỹ; Trường hợp phát hiện dấu hiệu vi phạm quy định của pháp luật, ngân hàng giám sát phải báo cáo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và thông báo cho công ty quản lý quỹ trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi phát hiện sự việc đồng thời yêu cầu công ty quản lý quỹ thực hiện biện pháp xử lý, khắc phục kịp thời các hậu quả phát sinh trong thời hạn theo quy định;
 - c. Giám sát việc tổ chức thực hiện, kiểm tra kết quả hợp nhất, sáp nhập, giải thể, thanh lý tài sản quỹ;
 - d. Giám sát, bảo đảm tính hợp pháp và chỉ thanh toán từ tài sản của quỹ, các khoản chi phù hợp với quy định của pháp luật và các quy định tại Điều lệ quỹ;
 - e. d) Giám sát các hoạt động khác của công ty quản lý quỹ trong việc quản lý tài sản của quỹ theo đúng quy định tại Điều 116 Luật Chứng khoán, các quy định có liên quan tại các văn bản hướng dẫn Luật Chứng khoán và tại Điều lệ quỹ;
 - f. Xác nhận các báo cáo về giá trị tài sản ròng, hoạt động đầu tư, danh mục đầu tư của quỹ do công ty quản lý quỹ lập.
- 39.2. Ngân hàng giám sát có trách nhiệm lập và lưu trữ trong thời gian 10 năm các hồ sơ, chứng từ dưới dạng văn bản và tệp dữ liệu điện tử nhằm xác nhận việc tuân thủ trong hoạt động của ngân hàng giám sát đối với Công ty quản lý quỹ theo các quy định của pháp luật. Các tài liệu này phải được cung cấp theo yêu cầu bằng văn bản của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- 39.3 Khi có yêu cầu bằng văn bản của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát có trách nhiệm cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác những thông tin cần thiết cho Công ty quản lý quỹ, tổ chức kiểm toán được chấp thuận để các tổ chức này thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ đối với quỹ theo quy định của pháp luật, Điều lệ quỹ.
- 39.4 Ngân hàng giám sát có quyền yêu cầu công ty quản lý quỹ kịp thời cung cấp các tài liệu, thông tin cần thiết, có liên quan; thông tin về tổ chức phát hành mà quỹ, công ty đầu tư chứng khoán đầu tư để ngân hàng giám sát có thể thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với quỹ, công ty đầu tư chứng khoán theo quy định của pháp luật. Ngân hàng giám sát có trách nhiệm

bảo mật theo quy định của pháp luật đối với mọi tài liệu, thông tin nhận được từ công ty quản lý quỹ.

39.5 Trường hợp Công ty quản lý quỹ phải bồi thường thiệt hại cho quỹ, nhà đầu tư, Ngân hàng giám sát phải phối hợp với Công ty quản lý quỹ thực hiện thủ tục thanh toán một cách kịp thời và đầy đủ cho quỹ, nhà đầu tư theo chỉ thị hợp pháp của Công ty quản lý quỹ. Ngân hàng giám sát liên đới cùng với công ty quản lý quỹ có trách nhiệm đền bù thiệt hại cho quỹ, công ty đầu tư chứng khoán trong trường hợp các thiệt hại phát sinh do ngân hàng giám sát không thực hiện đầy đủ và kịp thời trách nhiệm giám sát hoạt động đầu tư của quỹ, xác định giá trị tài sản ròng của quỹ và các hoạt động giám sát khác đối với quỹ theo các quy định của pháp luật. Mức độ bồi thường thiệt hại thực hiện theo các điều khoản của hợp đồng ký kết hoặc thỏa thuận giữa công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát.

Điều 40. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của ngân hàng giám sát

40.1 Ngân hàng Giám Sát chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong các trường hợp sau:

- a. Ngân hàng Giám Sát bị chia, tách, giải thể, phá sản, bị hợp nhất, bị sáp nhập, chuyển đổi tư cách pháp nhân hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám sát & lưu ký chứng khoán theo quy định tại khoản 2 Điều 60 Luật Chứng khoán;
- b. Đơn phương chấm dứt hợp đồng giám sát được ký kết giữa Công ty Quản lý Quỹ thay mặt cho Quỹ và Ngân hàng Giám Sát;
- c. Quỹ chấm dứt hoạt động, bị giải thể, bị hợp nhất, bị sáp nhập;
- d. Theo quyết định của Đại hội Nhà Đầu Tư của Quỹ;
- e. Các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật.

40.2 Trong các trường hợp quy định tại khoản 39.1 Điều này, quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Ngân hàng Giám Sát được chuyển giao cho Ngân hàng Giám sát khác sau khi nhận được chấp thuận bằng văn bản về việc thay đổi Ngân hàng Giám Sát của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo quy định. Ngân hàng Giám Sát chỉ chấm dứt hợp đồng sau khi đã hoàn tất việc chuyển giao toàn bộ quyền, nghĩa vụ cho Ngân hàng thay thế.

40.3 Trường hợp Ngân hàng Giám Sát chuyển đổi tư cách pháp nhân, Ngân hàng mới kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ đối với tài sản được lưu ký tại Ngân hàng cũ.

Chương VIII

CÁC TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ LIÊN QUAN

Điều 41. Các hoạt động được ủy quyền (các dịch vụ được thuê ngoài)

Công ty Quản lý Quỹ được quyền thuê bên thứ ba làm nhà cung cấp dịch vụ Quản trị quỹ đầu tư và dịch vụ Đại lý chuyển nhượng.

Điều 42. Tiêu chí lựa chọn tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan

42. 1. Tiêu chí về đủ năng lực, hệ thống, nhân sự, kinh nghiệm, tính chuyên nghiệp.

Tổ chức cung cấp dịch vụ được lựa chọn phải có năng lực phù hợp, hệ thống quản lý, nhân sự, kinh nghiệm và chuyên môn để thực hiện các nhiệm vụ của Đại lý chuyển nhượng và tổ chức quản trị Quỹ.

42. 2. Tiêu chí về cơ cấu tổ chức của bộ phận cung cấp dịch vụ liên quan của bên nhận ủy quyền, hệ thống quy trình nghiệp vụ, hệ thống báo cáo và phê duyệt báo cáo.

- a. Tổ chức được lựa chọn làm Đại lý chuyển nhượng phải là tổ chức có cơ sở kỹ thuật, vật chất để có thể phối hợp với Đại lý phân phối và Nhà Đầu Tư, đồng thời có phần mềm ứng dụng có thể tương tác tốt với Đại lý phân phối và Công ty Quản lý Quỹ, có tính bảo mật cao, bảo vệ được các thông tin liên quan đến Nhà Đầu Tư, phù hợp với Pháp luật và chuẩn mực quốc tế.
- b. Tổ chức được lựa chọn cung cấp dịch vụ quản trị Quỹ đầu tư và Đại lý chuyển nhượng phải có kế hoạch khôi phục và hỗ trợ thay thế khi hệ thống kỹ thuật có trục trặc xảy ra. Hệ thống báo cáo và phê duyệt báo cáo được xây dựng phù hợp với Pháp luật.

Điều 43. Trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan

43.1 Nguyên tắc của hoạt động ủy quyền:

Tổ chức nhận ủy quyền phải thực hiện công việc theo đúng phạm vi công việc đã được ủy quyền và chịu trách nhiệm trong phạm vi đã được ủy quyền phù hợp với Pháp luật và hợp đồng ký với Công ty Quản lý Quỹ.

43. 2 Phạm vi hoạt động, chức năng, nhiệm vụ của các bên nhận ủy quyền

- a. Đối với dịch vụ Quản trị quỹ đầu tư:
 - Lập báo cáo kế toán về các giao dịch của Quỹ; ghi nhận các lưu chuyển dòng tiền vào và ra của Quỹ;
 - Chuẩn bị báo cáo tài chính cho Quỹ; phối hợp và hỗ trợ tổ chức kiểm toán của Quỹ tiến hành hoạt động kiểm toán Quỹ;
 - Thực hiện xác định NAV của Quỹ và NAV trên mỗi Đơn vị Quỹ dựa trên chính sách kế toán của Quỹ phù hợp với các tài liệu Quỹ và luật áp dụng, với tần suất theo thỏa thuận giữa tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị Quỹ và Công ty Quản lý Quỹ.
 - Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật và Hợp đồng đã ký với Công ty Quản lý quỹ;
- b. Dịch vụ Đại lý chuyển nhượng
 - Lập và quản lý sổ chính; mở và theo dõi quản lý hệ thống các tài khoản cá nhân, tài khoản ký danh; xác nhận quyền sở hữu chứng chỉ quỹ mở;
 - Ghi nhận các lệnh hoán đổi danh mục, lệnh mua, lệnh bán, lệnh chuyển đổi của nhà đầu tư, thành viên lập quỹ; chuyển quyền sở hữu chứng chỉ quỹ; cập nhật sổ chính;

- Hỗ trợ nhà đầu tư, thành viên lập quỹ thực hiện các quyền liên quan tới việc sở hữu chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư, thành viên lập quỹ;
- Tổ chức các cuộc họp Ban đại diện quỹ, Đại hội nhà đầu tư của quỹ; duy trì kênh liên lạc với nhà đầu tư, đại lý phân phối, cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức có thẩm quyền khác;
- Cung cấp cho nhà đầu tư báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động quỹ, Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt, sao kê tài khoản giao dịch, xác nhận giao dịch và các tài liệu khác.

43.3 Yêu cầu về chứng từ, sổ sách, cơ sở dữ liệu

Các chứng từ, sổ sách liên quan đến dịch vụ được ủy quyền thực hiện phải được tổ chức nhận ủy quyền lưu trữ trong thời hạn theo yêu cầu của Pháp Luật. Tổ chức nhận ủy quyền có trách nhiệm tạo dựng cơ sở dữ liệu phù hợp với nhu cầu công việc đảm nhận sao cho thuận tiện, đầy đủ và hiệu quả.

43.4 Bên nhận ủy quyền phải thực hiện các hoạt động nhận ủy quyền một cách hiệu quả, cẩn trọng, có trách nhiệm bảo mật mọi thông tin liên quan tới nhà đầu tư và đối tác của công ty quản lý quỹ.

43.5. Bên nhận ủy quyền có trách nhiệm cung cấp cho công ty quản lý quỹ các báo cáo kiểm toán độc lập đối với các nội dung có liên quan tới hoạt động ủy quyền, phục vụ cho hoạt động kiểm tra, giám sát của công ty quản lý quỹ.

Điều 44. Trách nhiệm của công ty quản lý quỹ đối với hoạt động đã ủy quyền

44.1. Trước khi ký kết hợp đồng sử dụng dịch vụ của bên nhận ủy quyền, công ty quản lý quỹ phải thẩm định và lập biên bản đánh giá năng lực và cơ sở vật chất, bảo đảm bên nhận ủy quyền có đủ trang thiết bị cơ sở vật chất, giải pháp kỹ thuật, quy trình nghiệp vụ, nhân sự có kinh nghiệm và trình độ chuyên môn phù hợp để thực hiện các hoạt động được ủy quyền;

44.2. Ký hợp đồng ủy quyền với bên nhận ủy quyền. Hợp đồng ủy quyền bao gồm các nội dung tối thiểu theo mẫu quy định tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Thông tư này;

44.3 Thường xuyên kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động đã Ủy quyền được thực hiện thận trọng, an toàn, phù hợp với quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán, hợp đồng ủy thác đầu tư, bảo đảm chất lượng dịch vụ cung cấp phù hợp với tiêu chí và yêu cầu của công ty và của khách hàng ủy thác. Công ty quản lý quỹ được sử dụng tư vấn độc lập, dịch vụ cung cấp bởi các tổ chức chuyên nghiệp, hoạt động hợp pháp khác để thực hiện trách nhiệm quy định tại điểm này. Định kỳ hằng tháng, công ty quản lý quỹ phải lập báo cáo tổng hợp về kết quả kiểm tra, giám sát các hoạt động đã ủy quyền;

44.4 Duy trì nhân sự có kinh nghiệm, chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp để giám sát, nhận diện và quản lý hiệu quả các rủi ro phát sinh từ hoạt động đã ủy quyền;

44.5 Thiết lập hệ thống, xây dựng quy trình bảo đảm tại mọi thời điểm công ty quản lý quỹ, tổ chức kiểm toán độc lập, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có thể tiếp cận các thông tin cần thiết để

kiểm tra, giám sát các hoạt động ủy quyền, đánh giá và quản lý các rủi ro phát sinh từ hoạt động ủy quyền;

44.6 Việc ủy quyền không làm giảm trách nhiệm hoặc thay đổi trách nhiệm của công ty quản lý quỹ đối với khách hàng ủy thác. Công ty quản lý quỹ phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về tài chính và pháp lý phát sinh từ việc ủy quyền, trừ các nghĩa vụ pháp lý, các khoản phí, giá dịch vụ mà khách hàng trực tiếp thỏa thuận, thanh toán cho bên nhận ủy quyền trên cơ sở hợp đồng ủy thác đầu tư, hợp đồng giám sát, hợp đồng lưu ký, quy định tại Điều lệ quỹ, Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán và phù hợp với quy định của pháp luật liên quan. Công ty quản lý quỹ phải bảo đảm tính liên tục đối với các hoạt động đã ủy quyền, không gián đoạn và gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư và dịch vụ cung cấp cho khách hàng ủy thác;

44.7 Cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin liên quan cho bên nhận ủy quyền để thực thi đầy đủ, kịp thời các quyền, nghĩa vụ trong hoạt động ủy quyền;

44.8 Lưu trữ đầy đủ, kịp thời, chính xác các chỉ thị, yêu cầu, văn bản gửi cho bên nhận ủy quyền để thực hiện các hoạt động ủy quyền, hợp đồng ủy quyền, biên bản đánh giá năng lực và cơ sở vật chất. Các tài liệu này phải được cung cấp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo yêu cầu;

44.9 Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày ký hợp đồng với bên nhận ủy quyền đối với các hoạt động ủy quyền quy định tại điểm b khoản 1 Điều này, công ty quản lý quỹ thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc ủy quyền này và gửi kèm theo các tài liệu xác nhận bên nhận ủy quyền đáp ứng quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 45. Chấm dứt hoạt động ủy quyền

45.1 Tổ chức nhận ủy quyền chấm dứt toàn bộ quyền và nghĩa vụ được Công ty Quản lý Quỹ ủy quyền đối với Quỹ trong các trường hợp sau:

- a. Tổ chức nhận ủy quyền đề nghị chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình;
- b. Tổ chức nhận ủy quyền chấm dứt hoạt động, bị phá sản hoặc giải thể;
- c. Tổ chức nhận ủy quyền bị thu hồi giấy phép về lĩnh vực thực hiện;
- d. Tổ chức nhận ủy quyền bị hợp nhất hoặc bị sáp nhập bởi tổ chức khác;
- e. Theo đề nghị của Đại hội Nhà Đầu Tư;
- f. Theo đề nghị của Công ty Quản lý Quỹ;
- g. Quỹ bị giải thể;
- h. Quỹ bị sáp nhập, hợp nhất vào một Quỹ khác theo quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư.

45.2 Quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của tổ chức nhận ủy quyền chỉ chấm dứt khi mọi quyền và nghĩa vụ của tổ chức nhận ủy quyền được bàn giao đầy đủ cho Công ty Quản lý Quỹ hoặc cho tổ chức mà Công ty Quản lý Quỹ chỉ định phù hợp với quy định của Pháp luật và Hợp đồng được ký kết giữa Công ty Quản lý Quỹ và tổ chức nhận ủy quyền.

Chương IX ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI

Điều 46. Tiêu chuẩn lựa chọn Đại lý phân phối Chứng chỉ Quỹ

46.1 Tổ chức được Công ty Quản lý Quỹ lựa chọn làm Đại lý phân phối phải đáp ứng các điều kiện sau:

- a. Là Công ty Chứng khoán có nghiệp vụ môi giới chứng khoán, Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng giám sát, doanh nghiệp bảo hiểm, Ngân hàng thương mại. Trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm, Ngân hàng thương mại, tổ chức kinh tế khác thì phải làm thủ tục đăng ký hoạt động phân phối Chứng chỉ Quỹ với UBCKNN;
- b. Tại thời điểm đăng ký hoạt động, có ít nhất một địa điểm kinh doanh được lựa chọn là địa điểm phân phối Chứng chỉ Quỹ đáp ứng yêu cầu của Pháp luật;
- c. Có quy trình nghiệp vụ phân phối Chứng chỉ Quỹ, bao gồm cả quy trình, thủ tục nhận biết, cập nhật thông tin, biện pháp xác minh thông tin về Nhà Đầu Tư và người được hưởng lợi, quy tắc đạo đức nghề nghiệp áp dụng đối với nhân viên phân phối Chứng chỉ Quỹ, quy định nội bộ nhằm ngăn ngừa hành vi sau thời điểm nhận lệnh, ngăn ngừa hành vi đầu cơ lợi dụng chênh lệch thời gian, lợi dụng việc định giá sai Đơn vị Quỹ theo thông lệ quốc tế.
- d. Đại lý phân phối không phải là tổ chức kinh doanh chứng khoán, Ngân hàng giám sát, Ngân hàng thương mại, doanh nghiệp bảo hiểm thì không được:
 - Đồng thời làm Đại lý phân phối cho Công ty Quản lý Quỹ khác nếu không được chấp thuận bằng văn bản của Công ty Quản lý Quỹ mà mình đang làm Đại lý phân phối.

46.2. Công ty quản lý Quỹ được phân phối chứng chỉ quỹ mở do mình quản lý, trong trường hợp này, công ty phải bảo đảm:

- a. Việc chào bán, phát hành được thực hiện tại trụ sở chính của công ty và các địa điểm kinh doanh hợp pháp khác của công ty. Việc thực hiện thông qua internet, điện thoại, fax, email tuân thủ theo các quy định về giao dịch điện tử trong lĩnh vực chứng khoán.
- b. Các nhân viên phân phối chứng chỉ quỹ không kiêm nhiệm, làm việc tại các bộ phận quản lý tài sản, phân tích đầu tư, kiểm soát nội bộ

Điều 47. Hoạt động của Đại lý Phân Phối

47.1 Tổng hợp đầy đủ thông tin về Nhà Đầu Tư và người được hưởng lợi theo quy định của Pháp luật và các quy định về phòng chống rửa tiền và đấu tranh chống tài trợ khủng bố;

47.2 Nhận và chuyển lệnh giao dịch của từng Nhà Đầu Tư tới Công ty Quản lý Quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan một cách đầy đủ, kịp thời, chính xác. Đại lý phân phối không được tổng hợp, bù trừ lệnh giao dịch, không được trực tiếp nhận tiền và thanh toán giao dịch Chứng chỉ Quỹ cho Nhà Đầu Tư; Đại lý phân phối chỉ được nhận lệnh giao dịch của Nhà Đầu Tư khi phiếu lệnh đã được điền chính xác và đầy đủ các thông tin theo mẫu quy định của pháp luật điều chỉnh. Phiếu lệnh phải được Đại lý phân phối lưu trữ theo quy định của Pháp luật về chứng khoán. Đồng thời phải bảo đảm ghi nhận đầy đủ, chính xác, kịp

thời và rõ ràng về thời điểm nhận lệnh, người nhận lệnh từ Nhà Đầu Tư. Trường hợp nhận lệnh qua điện thoại, fax, lệnh giao dịch trực tiếp qua internet hoặc các phương tiện điện tử, đường truyền khác thì tuân thủ theo quy định về giao dịch điện tử và lưu trữ phiếu lệnh theo hình thức tệp dữ liệu điện tử;

- 47.3 Hỗ trợ Nhà Đầu Tư thực hiện các thủ tục thay đổi thông tin tại Sổ Đăng Ký, xác nhận quyền sở hữu Đơn vị Quỹ của Nhà Đầu Tư, chuyển quyền sở hữu phù hợp với Pháp luật và Điều lệ này;
- 47.4 Duy trì kênh liên lạc liên tục và thông suốt với Nhà Đầu Tư, đảm bảo cập nhật cho Nhà Đầu Tư một cách chính xác, đầy đủ, và kịp thời mọi thông tin và giải đáp các thắc mắc của Nhà Đầu Tư về sản phẩm Quỹ đã chào bán; thống kê, tổng hợp sao kê tài khoản, xác nhận giao dịch theo yêu cầu của Nhà Đầu Tư; cung cấp cho Nhà Đầu Tư bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt, báo cáo tài chính của Quỹ, tài liệu về các cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư, các thông tin khác; thực hiện chế độ báo cáo, Công bố thông tin theo ủy quyền của Công ty Quản lý Quỹ;
- 47.5 Hỗ trợ Công ty Quản lý Quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan tổ chức họp Đại Hội Nhà Đầu Tư; nhận ủy quyền tham dự và thực hiện quyền biểu quyết theo chỉ thị bằng văn bản của Nhà Đầu Tư;
- 47.6 Tổng hợp, lưu trữ thông tin chi tiết về Nhà Đầu Tư và các giao dịch của Nhà Đầu Tư. Cung cấp các thông tin này cho Công ty Quản lý Quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan và UBCKNN theo yêu cầu của các tổ chức này.

Điều 48. Quy định chung về nghiệp vụ phân phối Chứng chỉ Quỹ

- 48.1 Đại lý phân phối, nhân viên phân phối phải tự nguyện, công bằng, trung thực đối với Nhà Đầu Tư, cung cấp đầy đủ, kịp thời mọi thông tin chính xác để Nhà Đầu Tư tự đưa ra quyết định đầu tư. Các thông tin, dữ liệu, dự báo kinh tế cung cấp cho Nhà Đầu Tư phải dựa trên những sự kiện có thực và kèm theo các tài liệu dẫn chiếu do các tổ chức kinh tế tài chính chuyên nghiệp phát hành và đã được công bố công khai. Nhân viên phân phối Chứng chỉ Quỹ không được cung cấp các thông tin chưa được kiểm chứng, tin đồn, thông tin sai lệch cho Nhà Đầu Tư.
- 48.2 Nhân viên phân phối chỉ chào bán Chứng chỉ Quỹ sau khi Nhà Đầu Tư đã được cung cấp đầy đủ Điều lệ và Bản cáo bạch của Quỹ, bản cáo bạch tóm tắt, hợp đồng dẫn chiếu trong Bản cáo bạch, các báo cáo mới nhất về hoạt động của Quỹ. Nhân viên phân phối phải giải thích cho Nhà Đầu Tư hiểu được các nội dung tại Điều Lệ và Bản cáo bạch của Quỹ đặc biệt là mục tiêu và chính sách đầu tư của Quỹ, chiến lược đầu tư của Quỹ để đạt được mục tiêu đầu tư, đặc tính về lợi nhuận và rủi ro, chính sách phân phối lợi nhuận, thuế, phí, lệ phí và các chi phí khác; cơ chế giao dịch Chứng chỉ Quỹ.
- 48.3 Nhân viên phân phối phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời cho Nhà Đầu Tư mọi thông tin về kết quả hoạt động của Quỹ với hàm ý các kết quả hoạt động trước đó chỉ mang tính tham khảo và có thể thay đổi tùy vào tình hình thị trường.

- 48.4 Nhân viên phân phối không được cung cấp thông tin sai sự thật, dễ gây hiểu nhầm, cung cấp không đầy đủ thông tin, đưa ra các dự báo dễ dãi hay mời chào Nhà Đầu Tư mua Chứng chỉ Quỹ, không gây hiểu nhầm về các đặc tính lợi nhuận và rủi ro của Chứng chỉ Quỹ. Khi so sánh với các sản phẩm Quỹ mở khác, phải chỉ rõ những khác biệt giữa các Quỹ để Nhà Đầu Tư lựa chọn. Không được trực tiếp, gián tiếp thực hiện các hành vi nhằm lôi kéo, xúi giục Nhà Đầu Tư mua Chứng chỉ Quỹ có mức độ rủi ro cao trong trường hợp Nhà Đầu Tư chưa hiểu hết về các rủi ro tiềm ẩn khi đầu tư vào Quỹ, hoặc các Quỹ đó không phù hợp với mục tiêu đầu tư và năng lực tài chính của Nhà Đầu Tư.
- 48.5 Đại lý phân phối, nhân viên phân phối có trách nhiệm bảo mật các thông tin về Nhà Đầu Tư, thông tin về giao dịch của Nhà Đầu Tư, không được sử dụng các thông tin đó với bất kỳ mục đích gì, trừ trường hợp được Nhà Đầu Tư đồng ý hoặc yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.
- 48.6 Đại lý phân phối không được chiết khấu, giảm giá giao dịch Chứng chỉ Quỹ dưới bất kỳ hình thức nào; không được tặng quà, sử dụng lợi ích vật chất hay tài chính dưới mọi hình thức để mời chào, dụ dỗ Nhà Đầu Tư mua Chứng chỉ Quỹ; không được yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa tổ chức, từ Công ty Quản lý Quỹ bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận, lợi ích nào để mời chào Nhà Đầu Tư mua Chứng chỉ Quỹ, ngoài các mức phí và giá dịch vụ đã được Công bố tại Bản cáo bạch và tại các hợp đồng phân phối ký với Công ty Quản lý Quỹ.
- 48.7 Đại lý phân phối không được phân phối Chứng chỉ Quỹ tại các điểm kinh doanh chưa đăng ký hoạt động hoặc được cấp phép hoạt động theo quy định của Pháp luật hoặc chưa thông báo với UBCKNN. Đại lý phân phối phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về hoạt động của các địa điểm phân phối Chứng chỉ Quỹ, nhân viên phân phối Chứng chỉ Quỹ khi phân phối Chứng chỉ Quỹ cho Nhà Đầu Tư.
- 48.8 Công ty Quản lý Quỹ, Đại lý phân phối hàng năm phải tổ chức đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao trình độ, kiến thức cho đội ngũ nhân viên phân phối Chứng chỉ Quỹ. Thông tin về hoạt động đào tạo trong năm của Công ty Quản lý Quỹ và Đại lý phân phối phải được gửi kèm trong báo cáo hoạt động hàng năm của Công ty Quản lý Quỹ.

Chương X

KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Điều 49. Tiêu chuẩn lựa chọn và thay đổi Công ty kiểm toán

Công ty kiểm toán được lựa chọn phải được thành lập và hoạt động phù hợp với quy định của Pháp luật, nằm trong danh sách các công ty kiểm toán được UBCKNN chấp thuận kiểm toán cho tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán và không được là người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám Sát. Năm đầu tiên, công ty kiểm toán cho Quỹ sẽ được Công ty Quản lý Quỹ đề cử Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua. Các năm sau đó, Đại Hội Nhà Đầu Tư ủy quyền cho Ban Đại Diện Quỹ thông qua việc lựa chọn công ty kiểm toán. Công ty Quản lý Quỹ sẽ đề xuất với Ban Đại Diện Quỹ ít nhất 02 (hai) công ty kiểm toán để kiểm toán cho Quỹ.

Điều 50. Năm tài chính

Năm tài chính là mười hai tháng tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm. Năm tài chính đầu tiên của Quỹ sẽ được tính từ ngày Quỹ được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy chứng nhận lập Quỹ/giấy phép thành lập và hoạt động cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó.

Trường hợp thời gian từ ngày Quỹ được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận lập Quỹ cho đến hết ngày 31/12 cùng năm ngắn hơn 90 (chín mươi) ngày thì kỳ kế toán đầu tiên được tính từ ngày Quỹ được UBCK NN cấp Giấy chứng nhận lập Quỹ cho đến hết ngày 31/12 của năm tiếp theo

Điều 51. Chế độ kế toán

Quỹ sẽ áp dụng chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định khác liên quan tới công tác kế toán cho Quỹ do các cơ quan có thẩm quyền quy định.

Điều 52: Báo cáo tài chính

52.1 Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm chuẩn bị các báo cáo tài chính định kỳ về kết quả kinh doanh và tình hình tài chính của Quỹ và các báo cáo cần thiết khác để tường trình hoạt động của Quỹ.

52.2 Báo cáo tài chính sẽ được kiểm toán hàng năm bởi một Công ty Kiểm toán độc lập.

52.3 Bản sao của các báo cáo kiểm toán của Quỹ phải được gửi đến từng thành viên Ban Đại diện Quỹ và các Thành viên góp vốn.

52.4 Công ty Quản lý Quỹ phải tuân thủ các quy định của pháp luật về báo cáo tài chính.

Điều 53: Báo cáo khác

Công ty Quản lý Quỹ phải tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam về công bố thông tin và báo cáo hoạt động kinh doanh của Quỹ (bao gồm, nhưng không giới hạn bởi báo cáo tài sản, báo cáo thay đổi Giá trị Tài sản ròng, báo cáo hoạt động đầu tư, báo cáo về tình hình danh mục đầu tư và báo cáo về một số chỉ tiêu trong hoạt động của Quỹ).

Chương XI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ

Điều 54. Xác định giá trị tài sản ròng của quỹ

54.1 Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một Đơn vị Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ và giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ trên cơ sở giá thị trường hoặc giá hợp lý (trong trường hợp không có giá thị trường) của các tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ quỹ.

- 54.2 Giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một Đơn vị Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị Quỹ, phải được Ngân hàng Giám Sát xác nhận. Việc xác nhận giá trị thực hiện bằng văn bản, hoặc truy xuất thông qua hệ thống thông tin điện tử của Ngân hàng Giám Sát đã được Công ty Quản lý Quỹ chấp thuận. Trường hợp bị định giá sai, Ngân hàng Giám Sát có trách nhiệm thông báo và yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ điều chỉnh kịp thời hoặc ngược lại trong trường hợp ngân hàng giám sát cung cấp dịch vụ xác định giá trị tài sản ròng trong vòng hai mươi bốn (24) giờ. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày phát hiện giá trị tài sản ròng bị định giá sai, công ty quản lý quỹ hoặc ngân hàng giám sát (trong trường hợp ngân hàng giám sát cung cấp dịch vụ xác định giá trị tài sản ròng) phải điều chỉnh lại và công bố thông tin theo quy định, đồng thời thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc định giá sai, bao gồm nguyên nhân xảy ra sự việc, thời gian bị định giá sai, biện pháp xử lý. Nội dung thông báo phải được công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát cùng ký xác nhận.
- 55.3 Tại ngày làm việc tiếp theo kể từ ngày định giá, giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một Đơn vị Quỹ phải được công bố trên các trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan, Đại lý phân phối và các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
- 54.4 Công ty Quản lý Quỹ được ủy quyền cho ngân hàng giám sát xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một Đơn vị Quỹ trên cơ sở giá cung cấp bởi các tổ chức cung cấp báo giá. Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động xác định giá trị tài sản ròng là phù hợp các quy định của pháp luật, giá trị tài sản ròng được tính chính xác.
- 54.5 Giá trị tài sản ròng của Quỹ phải được xác định định kỳ và phải được thông báo công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng cho Nhà Đầu Tư sau khi có xác nhận của Ngân hàng Giám Sát xác nhận và có giá trị cho đến khi có thông báo mới. Việc công bố giá trị tài sản ròng cho nhà đầu tư được thực hiện tại ngày làm việc tiếp theo của ngày định giá.
- 54.6. Giá trị TSR được làm tròn theo quy định trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán. Phần dư phát sinh từ việc làm tròn giá trị TSR của Quỹ được hạch toán vào Quỹ
- 54.7 Công ty quản lý quỹ hoặc đơn vị cung cấp dịch vụ tính giá trị tài sản ròng tham chiếu được công ty quản lý quỹ ủy quyền có trách nhiệm xác định iNAV trên cơ sở giá thị trường của chứng khoán cơ cấu từ giao dịch được thực hiện gần nhất. iNAV chỉ là giá trị tham chiếu, không phải là giá trị để xác định giá giao dịch. iNAV được cập nhật tối thiểu 15 giây một lần và được công bố trên các trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ hoặc hệ thống của Sở giao dịch chứng khoán
- 54.8. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm:
- Xác định giá trị tài sản ròng, giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ của quỹ đóng định kỳ tối thiểu một lần trong một tuần;
 - Xác định giá trị tài sản ròng, giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ của quỹ mở theo ngày giao dịch, đảm bảo tối thiểu một lần trong một tuần;

54.9. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày giá trị tài sản ròng của quỹ giảm xuống dưới 30 tỷ đồng, công ty quản lý quỹ phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và đề xuất phương án khắc phục. Trường hợp giá trị tài sản ròng của Quỹ giảm xuống thấp hơn 10 (mười) tỷ đồng trong 06 (sáu) tháng liên tục, Công ty Quản lý Quỹ phải thanh lý tài sản để giải thể quỹ theo quy định.

Điều 55. Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thay đổi tổ chức cung cấp báo giá

55.1 Công ty Quản lý quỹ xem xét việc lựa chọn và trình Ban đại diện Quỹ phê duyệt danh sách các tổ chức cung cấp báo giá cho quỹ. Tổ chức cung cấp báo giá được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

- a. Có chức năng và được cấp phép hoạt động cung cấp dịch vụ báo giá;
- b. Có đầy đủ khả năng cung cấp dịch vụ báo giá;
- c. Không phải là người có liên quan của công ty quản lý quỹ, ngân hàng lưu ký.

55.2 Tiêu chí thay đổi tổ chức cung cấp báo giá khi có một trong những tiêu chí sau:

- a. Khi Công ty Quản lý quỹ mở tài khoản giao dịch chứng khoán tại công ty chứng khoán đang báo giá không còn chức năng hoặc không được cấp phép hoạt động cung cấp dịch vụ báo giá;
- b. Công ty chứng khoán đang báo giá trở thành người có liên quan của Công ty Quản lý quỹ hoặc ngân hàng lưu ký có những thay đổi theo quy định của các cơ quan chức năng về phương thức báo giá.

Điều 56. Nguyên tắc và Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ

56.1 Công ty Quản lý Quỹ phải xây dựng sổ tay định giá để áp dụng thống nhất trong hoạt động quản lý tài sản của Quỹ. Sổ tay định giá, danh sách tối thiểu 03 tổ chức cung cấp báo giá không phải là người có liên quan của công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát, phải được Ban đại diện quỹ phê duyệt và cung cấp cho ngân hàng giám sát để giám sát việc tính toán giá trị tài sản ròng. Việc xác định Giá trị Tài sản ròng do Công ty Quản lý Quỹ thực hiện và phải được Ngân hàng giám sát xác nhận hoặc Công ty Quản lý quỹ được phép ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ xác định giá trị tài sản ròng và có trách nhiệm kiểm tra, giám sát đảm bảo hoạt động xác định giá trị tài sản ròng tuân thủ quy định của Luật Chứng khoán.

56.2 Giá trị Tài sản ròng của Quỹ (NAV) được xác định bằng tổng giá trị tài sản trừ đi tổng nợ phải trả của quỹ. Tổng giá trị tài sản của quỹ được xác định theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản (trong trường hợp không xác định được giá thị trường). Tổng nợ phải trả của quỹ bao gồm các khoản nợ, các nghĩa vụ thanh toán của Quỹ tính đến ngày gần nhất trước ngày định giá.

56.3. Giá trị Tài sản ròng của một đơn vị Quỹ bằng Giá trị Tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số Chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại Ngày Giao Dịch gần nhất trước Ngày Định Giá

56.4. Mọi chi phí đền bù cho Nhà Đầu Tư và cho quỹ phải hạch toán vào chi phí hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ. Trường hợp Đại hội Nhà Đầu Tư chấp nhận, chi phí đền bù cho Nhà

Đầu Tư theo quy định tại Điểm a Khoản 56.2, Điểm a Khoản 56.3 Điều này được hạch toán vào Quỹ.

Điều 57. Quy trình định giá tài sản ròng của Quỹ

57.1 Giá trị tài sản ròng phải được tính toán bằng các nguyên tắc định giá hợp lý và phù hợp với qui định của UBCKNN.

57.2 Trước Ngày định giá

Các nghiệp vụ hàng ngày sẽ được cập nhật ngay khi phát sinh bao gồm:

- Các nghiệp vụ mua, bán chứng khoán trong ngày;
- Các nghiệp vụ thanh toán chi phí liên quan đến Quỹ, các hợp đồng gửi tiền có kỳ hạn;
- Các thông tin về quyền, cổ tức, cổ phiếu thưởng phát sinh liên quan đến chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ;
- Các nghiệp vụ kế toán ghi nhận giao dịch mua/ mua lại Chứng chỉ Quỹ sau ngày giao dịch cuối cùng gần nhất;
- Hàng tuần đối chiếu số lượng Chứng chỉ Quỹ đang lưu hành với Đại lý chuyển nhượng;
- Trích lập các khoản dự thu như lãi tiền gửi, lãi trái phiếu, cổ tức tính đến ngày trước Ngày Định Giá;
- Trích lập các khoản dự chi như chi phí quản lý, chi phí Ngân hàng giám sát, chi phí Đại lý chuyển nhượng, chi phí quản trị Quỹ và các chi phí khác liên quan đến hoạt động của Quỹ tính đến ngày trước Ngày định giá;
- Thu thập giá chứng khoán giao dịch trên trang web của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Hồ Chí Minh, từ các Công ty Chứng Khoán, các hệ thống báo giá (Bloomberg/Reuters/VNBF...), thu thập dữ liệu lãi suất trái phiếu trên Bloomberg, hoặc Reuters, và các nguồn có liên quan dùng để định giá chứng khoán tính đến ngày trước Ngày định giá;
- Thực hiện đánh giá lại chứng khoán trong danh mục đầu tư.

57.3 Tại ngày sau Ngày định giá

- Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám Sát xác nhận NAV trên một Đơn vị Quỹ;
- Công ty Quản lý Quỹ công bố NAV trên một Đơn vị Quỹ

57.4 Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc sau ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ:

Tổ chức cung cấp dịch vụ Đại lý chuyển nhượng tính toán kết quả giao dịch Chứng chỉ Quỹ của Nhà Đầu Tư.

57.5 Trong thời gian 05 (năm) ngày làm việc sau ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ:

Tổ chức cung cấp dịch vụ Đại lý chuyển nhượng sẽ chuyển tiền mua lại Chứng chỉ Quỹ theo đăng ký thông tin tài khoản của Nhà Đầu Tư.

Điều 58. Đền bù thiệt hại cho Nhà Đầu Tư, Quỹ

- 58.1 Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm đền bù thiệt hại cho Quỹ, Nhà Đầu Tư thực hiện giao dịch Chứng chỉ Quỹ mà chịu thiệt hại trong trường hợp giá trị tài sản ròng của Quỹ bị định giá sai với mức độ sai sót được coi là lớn khi đạt từ 0,75% giá trị tài sản ròng trở lên. Công ty quản lý quỹ phải xây dựng phương án khắc phục, đền bù thiệt hại cho quỹ, nhà đầu tư theo trình tự sau:
- Xác định lại giá trị tài sản ròng tại các kỳ định giá sai vượt mức;
 - Xác định các khoản đền bù cho quỹ, nhà đầu tư tại các kỳ định giá sai. Công ty quản lý quỹ không phải đền bù cho những nhà đầu tư thiệt hại ít hơn 100.000 đồng nhưng toàn bộ khoản tiền thanh toán của công ty quản lý quỹ phải được đưa vào quỹ, trừ trường hợp Đại hội nhà đầu tư quyết định khác;
 - Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày định giá lại giá trị tài sản ròng, công ty quản lý quỹ phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về phương án đền bù thiệt hại cho quỹ, nhà đầu tư. Phương án đền bù thiệt hại phải nêu rõ nguyên nhân xảy ra sự việc, thời gian quỹ bị định giá sai, mức độ thiệt hại của quỹ, nhà đầu tư, kèm theo danh sách, mức đền bù của từng nhà đầu tư;
 - Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, công ty quản lý quỹ phải tiến hành các thủ tục đền bù cho quỹ và nhà đầu tư.
- 58.2 Trong trường hợp Quỹ bị định giá thấp, mức đền bù cho Quỹ và cho Nhà Đầu Tư được xác định như sau:
- Đối với Nhà Đầu Tư mua Chứng chỉ Quỹ trước thời gian Quỹ bị định giá sai và đã bán Chứng chỉ Quỹ trong thời gian Quỹ bị định giá sai: Mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng Đơn vị Quỹ Nhà Đầu Tư đã bán;
 - Đối với Quỹ: Mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng Đơn vị Quỹ mà Quỹ đã phát hành trong thời gian bị định giá sai và hiện còn đang lưu hành;
- 58.3 Trong trường hợp Quỹ bị định giá cao, mức đền bù cho Quỹ và cho Nhà Đầu Tư được xác định như sau:
- Đối với Nhà Đầu Tư mua Chứng chỉ Quỹ trong thời gian Quỹ bị định giá sai và tiếp tục sở hữu sau thời gian Quỹ bị định giá sai: Mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng Đơn vị Quỹ Nhà Đầu Tư đã mua và còn tiếp tục nắm giữ sau thời gian bị định giá sai;
 - Đối với Quỹ: Mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng Đơn vị Quỹ mà Quỹ đã phát hành ra trước thời gian Quỹ bị định giá sai và Quỹ đã mua lại trong thời gian đó.
- 58.4. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm đền bù các thiệt hại gây ra cho quỹ trong các trường hợp:
- Không tuân thủ chính sách đầu tư, đầu tư vào các tài sản bị hạn chế theo quy định pháp luật và Điều lệ quỹ;
 - Sử dụng vốn vay trái mục đích, không phù hợp với quy định của pháp luật; hoặc vay vượt quá các hạn mức vay đã được quy định tại Điều lệ quỹ, quy định của pháp luật;

- c. Đầu tư vượt các hạn chế đầu tư, trừ các trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 35 Thông tư 98/2020/TT-BTC và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế Thông tư này vào từng thời điểm.
- 58.5 Mọi chi phí đền bù cho Nhà đầu tư và cho Quỹ phải hạch toán vào chi phí hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ. Trường hợp Đại hội Nhà đầu tư chấp nhận, chi phí đền bù cho Nhà đầu tư theo quy định tại Điểm a Khoản 58.2, Điểm a Khoản 58.3 Điều này được hạch toán vào Quỹ. Việc bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư và quỹ phải được công ty quản lý quỹ báo cáo tại báo cáo hoạt động hằng năm của quỹ theo quy định, trong đó nêu rõ nguyên nhân, lý do, mức độ ảnh hưởng, số lượng nhà đầu tư có quyền lợi bị ảnh hưởng đã được đền bù, mức đền bù cho mỗi nhà đầu tư, mức đền bù cho quỹ, hình thức đền bù, phương thức thanh toán và các hoạt động khắc phục khác (nếu có).

Chương XII

GIÁ DỊCH VỤ PHÁT HÀNH, THU NHẬP VÀ CÁC CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

Điều 59. Giá dịch vụ quản lý quỹ, giá dịch vụ lưu ký, giám sát

59.1 Giá dịch vụ quản lý tài sản trả cho Công ty Quản lý Quỹ.

Giá dịch vụ quản lý được tính trên tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ và tối đa không quá 2% giá trị tài sản ròng/năm và được trả sau hàng tháng vào ngày cuối cùng của tháng cho Công ty Quản lý Quỹ để thực hiện các dịch vụ quản lý Quỹ đầu tư cho Quỹ. Giá dịch vụ quản lý cho Công ty Quản lý Quỹ sẽ được Đại Hội Nhà Đầu Tư quyết định.

Giá dịch vụ quản lý được tính theo công thức như sau:

Giá dịch vụ quản lý = $(x\% \times \text{NAV tại ngày định giá} \times \text{số ngày thực tế trong kỳ})/360$

Trong đó:

- x%: Tỷ lệ giá dịch vụ quản lý áp dụng cho một năm trả cho Công ty Quản lý Quỹ
- NAV (Net Asset Value): Giá trị tài sản ròng của Quỹ

59.2 Giá dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ, giá dịch vụ giám sát và dịch vụ quản trị Quỹ trả cho Ngân hàng Giám Sát.

Giá dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ, giá dịch vụ giám sát và dịch vụ quản trị Quỹ trả cho Ngân hàng Giám Sát được tính trên Giá trị Tài sản lưu ký của Quỹ và tối đa không quá 0,15% giá trị tài sản ròng/năm và được trả cho Ngân Hàng Giám Sát theo thời hạn và phương thức quy định cụ thể tại Hợp đồng Giám Sát, Hợp đồng quản trị quỹ để thực hiện các dịch vụ giám sát, lưu ký & dịch vụ quản trị cho Quỹ.

Giá dịch vụ giám sát & lưu ký phải trả được tính theo công thức như sau:

Giá dịch vụ giám sát & lưu ký = $(y\% \times \text{NAV tại ngày định giá} \times \text{số ngày thực tế trong kỳ})/360$

Trong đó:

- y%: Tỷ lệ giá dịch vụ giám sát & lưu ký áp dụng cho một năm trả cho Ngân hàng Giám Sát
- NAV (Net Asset Value): Giá trị tài sản ròng của Quỹ

Giá dịch vụ quản trị Quỹ = $(z\% \times \text{NAV tại ngày định giá} \times \text{số ngày thực tế trong kỳ})/360$

Trong đó:

- z%: Tỷ lệ giá dịch vụ quản trị Quỹ áp dụng cho một năm trả cho Ngân hàng Giám Sát
- NAV (Net Asset Value): Giá trị tài sản ròng của Quỹ

Chi tiết mức giá dịch vụ quản lý Quỹ, giá dịch vụ lưu ký, giám sát, quản trị quỹ cụ thể được Công ty Quản lý Quỹ thông báo tùy theo từng thời điểm trên trang web của Công ty quản lý quỹ.

Điều 60. Thu nhập của Quỹ

Thu nhập của Quỹ đến từ các nguồn sau: Trái tức/cổ tức được nhận, tiền lãi được nhận, lãi lỗ bán các khoản đầu tư, Chênh lệch tăng, giảm đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện, doanh thu khác, chênh lệch lãi, lỗ tỷ giá hối đoái và chưa thực hiện, doanh thu khác về đầu tư, dự phòng nợ phải thu và dự thu khó đòi về cổ tức, tiền lãi và xử lý tổn thất nợ phải thu khó đòi về cổ tức, tiền lãi.

- 60.1 Công ty Quản lý Quỹ được phân chia lợi nhuận của Quỹ cho Nhà Đầu Tư theo phương án đã được phê duyệt của Đại Hội Nhà Đầu Tư và mức lợi nhuận do Ban đại diện Quỹ quyết định và chính sách phân chia lợi nhuận đã được công bố tại bản cáo bạch. Lợi nhuận phân chia được trích từ nguồn lợi nhuận để lại hoặc từ thu nhập của Quỹ. Công ty Quản lý Quỹ chỉ được phân chia lợi nhuận khi Quỹ đã hoàn thành hoặc có đủ năng lực tài chính để hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật. Ngay sau khi trả hết số lợi nhuận đã định, Quỹ vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.
- 60.2. Lịch trình và kế hoạch thực hiện phải được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ. Mỗi Nhà Đầu Tư có thể quyết định nhận lợi nhuận mà Quỹ phân phối dưới dạng tiền hoặc tái đầu tư vào Quỹ với điều kiện họ phải nêu rõ lựa chọn của mình tại đơn đăng ký mở tài khoản giao dịch Đơn vị Quỹ hoặc có văn bản gửi Công ty Quản lý Quỹ. Nếu không có sự lựa chọn, lựa chọn tái đầu tư vào Quỹ được tự động áp dụng.
- 60.3 Hình thức phân chia lợi nhuận: Việc phân chia lợi nhuận bằng Đơn vị Quỹ phải được sự chấp thuận trước của Đại hội Nhà Đầu Tư hoặc được sự chấp thuận của Ban Đại Diện Quỹ (nếu đại hội Nhà Đầu Tư gần nhất đã ủy quyền cho Ban Đại Diện Quỹ quyết định phù hợp với quy định tại điều lệ Quỹ) hoặc được quy định cụ thể tại điều lệ Quỹ, bản cáo bạch.
- 60.4 Công ty Quản lý Quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật trước khi phân chia lợi nhuận cho Nhà Đầu Tư.
- 60.5 Sau khi phân chia lợi nhuận, Công ty Quản lý Quỹ phải gửi cho Nhà Đầu Tư báo cáo tổng kết việc phân chia lợi nhuận Quỹ, bao gồm các nội dung sau:
 - a. Hình thức phân chia lợi nhuận (bằng tiền hoặc bằng Đơn vị Quỹ);
 - b. Tổng lợi nhuận trong kỳ và lợi nhuận tích lũy, chi tiết từng hạng mục lợi nhuận;
 - c. Giá trị lợi nhuận được phân chia, số lượng Đơn vị Quỹ phát hành để phân chia (trong trường hợp chia lợi nhuận bằng Đơn vị Quỹ);
 - d. Giá trị tài sản ròng trên một Đơn vị Quỹ trước khi phân chia lợi nhuận và sau khi phân chia lợi nhuận;
 - e. Các ảnh hưởng tác động tới giá trị tài sản ròng của quỹ sau khi phân chia.

Điều 61. Chi phí hoạt động của Quỹ

Quỹ có các chi phí hoạt động sau:

- Chi phí quản lý tài sản trả cho công ty Quản lý Quỹ theo quy định tại khoản 1 điều 59 Điều lệ này.
- Chi phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ, chi phí dịch vụ giám sát và dịch vụ quản trị Quỹ trả cho Ngân hàng Giám Sát theo quy định tại khoản 2 điều 59 Điều lệ này.
- Giá dịch vụ Đại lý chuyển nhượng và các chi phí khác mà Công ty Quản lý Quỹ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan.

Tổng giá dịch vụ quản lý quỹ, giá dịch vụ quản trị quỹ và giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng tối đa bằng 2% giá trị tài sản ròng của Quỹ tại thời điểm thực hiện dịch vụ.

Điều 62. Chi phí khác:

62.1 Giá dịch vụ kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán:

Giá dịch vụ kiểm toán phụ thuộc vào kết quả lựa chọn và thương lượng với Công ty kiểm toán và sẽ được xác định hàng năm vào cuối năm tài chính của Quỹ.

62.2 Giá dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác, thù lao trả cho Ban Đại Diện Quỹ:

Các chi phí của Ban Đại Diện Quỹ bao gồm chi phí ăn ở, đi lại với mức hợp lý và phù hợp với các quy định tại Điều lệ Quỹ, các chi phí phát sinh từ hoạt động của Ban Đại Diện Quỹ để phục vụ cho lợi ích của Quỹ sẽ được tính vào chi phí của Quỹ. Để dễ hiểu, chi phí trên không bao gồm các chi phí bảo hiểm đối với trách nhiệm phát sinh các thành viên của Ban Đại Diện Quỹ khi thực hiện nghĩa vụ của Ban Đại Diện Quỹ. Thù lao của các thành viên của Ban Đại Diện Quỹ được tính vào chi phí hoạt động của Quỹ và tổng mức thù lao không được vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Ban Đại Diện đã được thông qua tại Đại Hội Nhà Đầu Tư.

62.3 Các chi phí khác:

Chi phí dự thảo, in ấn, gửi Bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt, báo cáo tài chính, xác nhận giao dịch, sao kê tài khoản và các tài liệu khác cho Nhà Đầu Tư; chi phí công bố thông tin của Quỹ; chi phí tổ chức họp Đại hội Nhà Đầu Tư, Ban Đại Diện Quỹ;

Thuế và các loại phí bắt buộc của chính phủ áp dụng cho Quỹ; và các chi phí khác được Pháp luật cho phép.

62.4 Chi phí liên quan đến thực hiện các giao dịch tài sản của Quỹ: bao gồm các chi phí phải trả cho Công ty Chứng khoán, công ty luật, công ty định giá tài sản và các bên cung cấp dịch vụ liên quan tới giao dịch tài sản của Quỹ.

Chương XIII TÁI CƠ CẤU, GIẢI THỂ QUỸ

Điều 63. Hợp nhất, sáp nhập quỹ

- 63.1 Việc hợp nhất, sáp nhập Quỹ chỉ được tiến hành trong các trường hợp pháp luật quy định và được đại hội Nhà Đầu Tư chấp thuận.
- 63.2 Việc hợp nhất, sáp nhập Quỹ phải được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

Điều 64. Chia, tách Quỹ

- 64.1 Việc tách Quỹ phải được đại hội Nhà Đầu Tư chấp thuận và trong các trường hợp sau:
- a. Công ty Quản lý Quỹ không thể xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ mở vào ngày định giá mua lại Chứng chỉ Quỹ mở do Sở Giao dịch Chứng khoán quyết định đình chỉ giao dịch chứng khoán trong danh mục đầu tư của Quỹ;
 - b. Theo quyết định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xét thấy là cần thiết.
- 64.2 Việc tách Quỹ phải được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

Điều 65. Giải thể Quỹ

- 65.1 Việc thanh lý, giải thể Quỹ được tiến hành trong các trường hợp sau đây:
- Giải thể Quỹ theo quyết định của Đại hội Nhà Đầu Tư;
 - Công ty Quản lý Quỹ bị giải thể, phá sản, hoặc bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động mà Ban Đại Diện Quỹ không xác lập được Công ty Quản lý Quỹ thay thế trong vòng hai (02) tháng, kể từ ngày phát sinh sự kiện;
 - Ngân hàng Giám Sát bị giải thể, phá sản, đơn phương chấm dứt hợp đồng giám sát hoặc bị Công ty Quản lý Quỹ chấm dứt hợp đồng giám sát; hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán bị thu hồi mà Công ty Quản lý Quỹ không xác lập được Ngân hàng Giám Sát thay thế trong vòng hai (02) tháng, kể từ ngày phát sinh sự kiện;
 - Giá trị tài sản ròng của Quỹ xuống dưới mười (10) tỷ liên tục trong sáu (06) tháng.
 - Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
- 65.2 Việc thanh lý giải thể Quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật. Công ty Quản lý Quỹ sẽ đóng vai trò là bên thanh lý cho Quỹ trừ trường hợp Đại Hội Nhà Đầu Tư có quyết định khác.

Chương XIV**GIẢI QUYẾT CÁC XUNG ĐỘT VỀ LỢI ÍCH**

Điều 66. Kiểm soát xung đột lợi ích giữa Quỹ và các Quỹ khác, các khách hàng ủy thác đầu tư của Công ty Quản lý Quỹ và giữa Quỹ và Công ty Quản lý Quỹ, giữa Quỹ và Ngân hàng giám sát.

- 66.1 Công ty Quản lý Quỹ phải:
- Tách biệt chiến lược đầu tư, mục tiêu đầu tư của mỗi Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ quản lý;
 - Tách biệt tài sản của Công ty Quản lý Quỹ với tài sản của các Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ quản lý, tài sản của Nhà Đầu Tư ủy thác; tách biệt tài sản của các Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ quản lý.

- 66.2 Tất cả các giao dịch chứng khoán của thành viên Hội đồng thành viên, , thành viên Ban Điều hành, thành viên Ban kiểm soát, Kiểm soát viên, người hành nghề quản lý Quỹ và nhân viên của Công ty Quản lý Quỹ phải được báo cáo và kiểm soát phù hợp với quy định của điều lệ Quỹ và pháp luật hiện hành;
- 66.3 Thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, giám sát việc xung đột lợi ích trong Công ty Quản lý Quỹ.
- 66.4 Thành viên Hội đồng quản trị/hội đồng thành viên, thành viên ban điều hành và nhân viên nghiệp vụ của Ngân hàng giám sát không được là đối tác mua, bán trong giao dịch mua bán tài sản của quỹ. Ngân hàng giám sát chỉ được là đối tác mua bán trong giao dịch ngoại hối, hoặc các giao dịch chứng khoán được thực hiện thông qua hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán.

Chương XV

CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ

Điều 67. Công bố thông tin, cung cấp thông tin cho Nhà Đầu Tư

67.1 Công bố thông tin:

Việc công bố và cung cấp thông tin liên quan đến hoạt động của Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ thực hiện theo yêu cầu của UBCKNN, quy trình công bố thông tin của Công ty Quản lý Quỹ và theo quy định của pháp luật có liên quan.

67.2 Thông báo cho Nhà Đầu Tư:

Mọi thông báo hoặc tài liệu được phát hành và chuyển cho Nhà Đầu Tư sẽ do Công ty Quản lý Quỹ cung cấp miễn phí cho Nhà Đầu Tư trên trang thông tin điện tử (Website) của Công ty Quản lý Quỹ hoặc gửi trực tiếp qua thư điện tử cho Nhà Đầu Tư . Trường hợp cần thiết, Công ty Quản lý Quỹ sẽ gửi trực tiếp, fax, qua đường bưu điện đến địa chỉ đăng ký của Nhà Đầu Tư. Nhà Đầu Tư phải thông báo bằng văn bản cho Quỹ khi thay đổi địa chỉ đăng ký của mình.

Mọi thông báo hoặc tài liệu gửi cho Quỹ sẽ được gửi bằng cách giao trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến địa chỉ văn phòng mà Quỹ đã đăng ký.

Điều 68. Sửa đổi, bổ sung Điều Lệ

- 68.1 Trong quá trình hoạt động của Quỹ, nếu có bất kỳ quy định nào trong Điều lệ này không còn phù hợp, Đại hội nhà đầu tư Nhà Đầu Tư sẽ được triệu tập để xem xét việc sửa đổi, bổ sung quy định đó phù hợp với pháp luật có liên quan. Các nội dung sửa đổi, bổ sung có thể được lập thành Phụ lục của Điều lệ này hoặc hình thức khác phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan. Việc sửa đổi Điều lệ phải báo cáo Ủy ban chứng khoán Nhà nước.
- 68.2 Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của quỹ chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp

luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của quỹ đầu tư chứng khoán.

Điều 69. Đăng ký điều lệ

69.1 Điều lệ này gồm mười lăm [15] Chương, sáu mươi chín [69] Điều và ba [03] Phụ lục được Đại hội Nhà đầu tư thông qua ngày 26 tháng 04 năm 2021 và cùng chấp nhận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

69.2 Các Nhà Đầu Tư, Ban Đại Diện Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám Sát và các bên có liên quan có nghĩa vụ tuân thủ Điều lệ này.

69.3 Các bản trích lục hoặc bản sao của Điều lệ này chỉ có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ hoặc ít nhất là hai phần ba (2/3) thành viên Ban Đại Diện Quỹ.

69.4 Điều lệ này được lập thành 08 (tám) bản có giá trị ngang nhau:

- 04 (bốn) bản được đăng ký tại các cơ quan nhà nước theo luật định;
- 03 (ba) bản được lưu tại Công ty Quản lý Quỹ; và
- 01 (một) bản được lưu tại Ngân hàng Giám Sát.
- Đính kèm cùng Điều lệ các phụ lục sau:

Phụ lục số 1: CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Phụ lục số 2: CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Phụ lục số 3: CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

PHỤ LỤC 1: CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

(Phụ lục này là một phần không tách rời của Điều lệ Quỹ, được Đại hội nhà đầu tư thông qua ngày 26 tháng 04 năm 2021)

Công ty quản lý quỹ: Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam

Số Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán: 50/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 26/10/2010 và giấy phép điều chỉnh số 76/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 27/11/2020

Công ty quản lý quỹ cam kết thực hiện các điều sau đây đối với Quỹ Đầu tư Trái phiếu Ngân hàng Công Thương Việt Nam (Các thuật ngữ được sử dụng tại cam kết này sẽ có nghĩa như được quy định tại Điều lệ Quỹ):

1. Tuyệt đối tuân thủ các quy định của pháp luật và của Điều lệ quỹ trong hoạt động quản lý quỹ.
2. Thực hiện nhiệm vụ quản lý quỹ một cách hiệu quả, trung thực, tận tụy và phù hợp với mục tiêu đầu tư của Quỹ, ưu tiên quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà đầu tư.
3. Đảm bảo Quỹ đại chúng luôn có một ngân hàng giám sát vào mọi thời điểm.
4. Trả cho ngân hàng giám sát các khoản giá dịch vụ và cho các tổ chức cung ứng dịch vụ khác theo quy định tại Điều lệ quỹ.
5. Định kỳ cung cấp cho ngân hàng giám sát các thông tin sau:
 - a. Các báo cáo tình hình hoạt động và báo cáo tài chính của quỹ, sổ đăng ký nhà đầu tư và số lượng chứng chỉ quỹ mà nhà đầu tư nắm giữ;
 - b. Các báo cáo liên quan đến Quỹ hoặc liên quan đến tài sản, danh mục đầu tư của Quỹ;
 - c. Bản đánh giá giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ, giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ;
 - d. Các thông tin có liên quan tới hoạt động quản lý quỹ và nghĩa vụ khác.
6. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức giá dịch vụ hợp lý khi cung cấp bản sao Điều lệ quỹ (và các phụ lục kèm theo), Bản cáo bạch (và các phụ lục kèm theo) cho các nhà đầu tư theo yêu cầu.
7. Không được đầu tư vào các chứng khoán, hoặc các tài sản mà chính công ty quản lý quỹ hoặc những người có liên quan đến công ty quản lý quỹ có lợi ích trong đó hoặc có liên quan đến các lợi ích đó, ngoại trừ các trường hợp pháp luật cho phép.
8. Không sử dụng vị thế của công ty quản lý quỹ trong hoạt động quản lý quỹ để thu lợi trực tiếp hoặc gián tiếp cho chính công ty hoặc những người có liên quan hoặc làm tổn hại đến lợi ích của các nhà đầu tư.
9. Thực hiện việc định giá và công tác kế toán cho Quỹ một cách trung thực, chính xác và kịp thời.
10. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức giá dịch vụ hợp lý khi cung cấp bản sao báo cáo hằng năm và các báo cáo khác của Quỹ cho các nhà đầu tư theo yêu cầu.

11. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức giá dịch vụ hợp lý khi cung cấp bản sao báo cáo hằng năm của ngân hàng giám sát đánh giá về hoạt động quản lý quỹ của công ty quản lý quỹ cho các nhà đầu tư theo yêu cầu.
12. Đảm bảo rằng mọi thông tin đã được công ty quản lý quỹ hoặc người đại diện công ty quản lý quỹ công bố là đầy đủ, trung thực, chính xác, không bỏ sót những sự kiện có ảnh hưởng đến quyền lợi nhà đầu tư, những sự kiện ảnh hưởng đến nội dung của thông tin được công bố, không bỏ sót những thông tin phải công bố theo yêu cầu của pháp luật và không gây hiểu nhầm cho nhà đầu tư.
13. Cung cấp đầy đủ các thông tin cần thiết để tổ chức kiểm toán độc lập của quỹ có thể thực hiện nhiệm vụ kiểm toán hiệu quả và kịp thời.
14. Báo cáo kịp thời cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong trường hợp đối chiếu tài sản có/nợ của quỹ giữa công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát không thống nhất.
15. Thực hiện nghĩa vụ triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư quỹ theo quy định của pháp luật.



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Lan

PHỤ LỤC 2: CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Ngân hàng giám sát: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành.
Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100150619-073 cấp lần đầu ngày 12/9/2003 thay đổi lần thứ 12 ngày 16/06/2020 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp;

Số Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán: 510/QĐ-ĐKHDLK ngày 01/08/2006 do UBCKNN cấp

Các thuật ngữ được sử dụng tại cam kết này sẽ có nghĩa như được quy định tại Điều lệ Quỹ.
Ngân hàng giám sát cam kết thực hiện các quy định sau đây đối với Quỹ:

Ngân hàng giám sát cam kết:

1. Tuyệt đối tuân thủ các quy định của pháp luật và của Điều lệ quỹ trong hoạt động giám sát.
2. Đảm bảo cho Quỹ luôn luôn có một công ty quản lý quỹ tại mọi thời điểm.
3. Thực hiện một cách tận tụy, trung thực và thận trọng các chức năng ngân hàng giám sát đối với Quỹ.
4. Thực hiện lưu ký, thanh toán, bảo quản và giám sát tất cả các tài sản, chứng khoán của Quỹ thay cho các nhà đầu tư; thực hiện việc đối chiếu tài sản có/nợ của quỹ với công ty quản lý quỹ theo định kỳ ít nhất một tháng một lần và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nếu như tình trạng tài sản có/nợ là không thống nhất giữa công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát.
5. Tách biệt tài sản của quỹ khỏi tài sản của ngân hàng giám sát, tài sản của công ty quản lý quỹ và tài sản của các quỹ khác, tài sản của các khách hàng khác của ngân hàng giám sát.
6. Giám sát danh mục đầu tư của Quỹ, việc định giá tài sản quỹ, việc xác định giá trị tài sản ròng của quỹ, xác định giá trị tài sản ròng trên một đơn vị chứng chỉ quỹ, xác định giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ theo các quy định của pháp luật hiện hành và theo quy định tại Điều lệ quỹ.
7. Đảm bảo nghĩa vụ giám sát để công ty quản lý quỹ không lợi dụng vị thế quản lý quỹ của mình thực hiện các hoạt động thu lợi trực tiếp hoặc gián tiếp cho công ty quản lý quỹ hoặc những người có liên quan làm tổn hại đến lợi ích của các nhà đầu tư.
8. Đảm bảo Quỹ được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập hằng năm.

ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT



PHÓ GIÁM ĐỐC

Ngô Thị Thu Cúc

PHỤ LỤC 3:
CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

(Phụ lục này là một phần không tách rời của Điều lệ Quỹ, được Đại hội nhà đầu tư thông qua ngày tháng năm)

Công ty Quản lý quỹ: Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam. Số Giấy phép thành lập và hoạt động số 50/UBCK-GP ngày 26/10/2010 và giấy phép điều chỉnh số 76/GPĐC-UBCK ngày 27/11/2020 do UBCKNN cấp.

Ngân hàng giám sát: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100150619-073 cấp lần đầu ngày 12/9/2003 thay đổi lần thứ 12 ngày 16/06/2020 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp; Giấy phép hoạt động lưu ký chứng khoán số: 510/QĐ-ĐKHĐLK ngày 01/08/2006 do UBCKNN cấp

Các thuật ngữ được sử dụng tại cam kết này sẽ có nghĩa như được quy định tại Điều lệ Quỹ. Công ty Quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát cùng cam kết thực hiện các quy định sau đây đối với Quỹ:

1. Cùng cam kết thực hiện nghĩa vụ bảo vệ lợi ích cho các Nhà đầu tư ;
2. Cùng cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ trong suốt thời gian hoạt động của Quỹ;
3. Cùng cam kết thực hiện quyền bỏ phiếu phát sinh liên quan đến việc sở hữu các cổ phiếu/vốn góp mà Quỹ đã đầu tư theo tinh thần và vì lợi ích của người đầu tư tại Đại hội đồng cổ đông của các tổ chức phát hành hoặc tại Hội đồng thành viên của doanh nghiệp Quỹ góp vốn;
4. Cùng cam kết không nhận bất kỳ một bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào từ việc thực hiện các giao dịch tài sản Quỹ hoặc giao dịch các tài sản khác không được quy định rõ trong Điều lệ Quỹ hoặc Bản cáo bạch.



Họ và Tên: **PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**
Chức vụ: **Nguyễn Thị Lan**



Họ và Tên: **PHÓ GIÁM ĐỐC**
Chức vụ: **Ngô Thị Thu Cúc**